

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG**

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM HƯƠNG LAN

Lớp: D13KT

Ngành: KẾ TOÁN

NINH BÌNH, 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI
CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM HƯƠNG LAN

Lớp: D13KT

Người hướng dẫn khoa học: ThS. VŨ THỊ MINH HUYỀN

Xác nhận của GV hướng dẫn
(Họ, tên và chữ ký)

ThS. Vũ Thị Minh Huyền

Chủ nhiệm đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

Phạm Hương Lan

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	iv
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ	vi
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vii
MỞ ĐẦU	viii
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	viii
2. Tính cấp thiết của đề tài	ix
3. Mục đích nghiên cứu.....	x
4. Đối tượng nghiên cứu.....	xi
5. Phạm vi nghiên cứu.....	xi
6. Cách tiếp cận đề tài.....	xi
7. Phương pháp nghiên cứu	xi
Chương 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU	1
1.1. Tổng quan về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu .	1
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu.....	1
1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu	1
1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu.....	1
1.1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu	2
1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu	2
1.1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu.....	3
1.1.3. Phân loại và phương pháp tính giá nguyên vật liệu	4
1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu	4
1.1.3.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu.....	6
1.2. Nội dung kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu	9
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	9
1.2.1.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng	9

1.2.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu	10
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	14
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	17
1.2.3. Các hình thức ghi sổ.....	19
1.2.3.1. Hình thức nhật ký chung.....	20
1.2.3.2. Hình thức nhật ký – sổ cái	21
1.2.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ	22
1.2.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	24
Chương 2 – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG	26
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng.....	26
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	26
2.1.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh	27
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh	30
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý	33
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	35
2.1.6. Chế độ kế toán áp dụng trong công ty	37
2.2. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng.....	38
2.2.1. Đặc điểm, phân loại và công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng.....	38
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu	38
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu	39
2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu	40
2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng	43
2.2.2.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho	43
2.2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho	44

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng	44
2.2.3.1. <i>Chứng từ và sổ kế toán sử dụng</i>	44
2.2.3.2. <i>Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu</i>	65
2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng	78
2.2.4.1. <i>Tài khoản sử dụng</i>	78
2.2.4.2. <i>Quy trình và sổ kế toán tổng hợp</i>	79
Chương 3 – MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG	87
3.1. Đánh giá chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng	87
3.1.1. <i>Ưu điểm trong kế toán nguyên vật liệu</i>	87
3.1.2. <i>Hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân</i>	90
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng	91
KẾT LUẬN	96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng giai đoạn 2020 – 2022...	28
Biểu 2.1: Giấy đề nghị mua vật liệu.....	47
Biểu 2.2: Hoá đơn GTGT số 844	48
Biểu 2.3: Hoá đơn GTGT số 124	49
Biểu 2.4: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 108.....	51
Biểu 2.5: Phiếu nhập kho số 42.....	53
Biểu 2.6: Giấy đề nghị mua vật liệu.....	54
Biểu 2.7: Hoá đơn GTGT số 855	55
Biểu 2.8: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 110.....	56
Biểu 2.9: Phiếu nhập kho số 48.....	57
Biểu 2.10: Giấy đề nghị xuất vật tư	59
Biểu 2.11: Phiếu xuất kho 46	60
Biểu 2.12: Giấy đề nghị xuất vật tư	61
Biểu 2.13: Phiếu xuất kho 54	62
Biểu 2.14: Giấy đề nghị xuất vật tư	63
Biểu 2.15: Phiếu xuất kho 58	64
Biểu 2.16: Thẻ kho số 04	66
Biểu 2.17: Thẻ kho số 06	67
Biểu 2.18: Thẻ kho số 07	68
Biểu 2.19: Thẻ kho số 08	69
Biểu 2.20: Thẻ kho số 09	70
Biểu 2.21: Sổ chi tiết vật liệu vải cotton.....	72
Biểu 2.22: Sổ chi tiết vật liệu chỉ M10 trắng.....	73
Biểu 2.23: Sổ chi tiết vật liệu chỉ M10 đen.....	74
Biểu 2.24: Sổ chi tiết vật liệu chỉ T20 vàng.....	75
Biểu 2.25: Sổ chi tiết vật liệu chỉ T20 hồng sen.....	76

Biểu 2.26: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu.....	77
Biểu 2.27: Bảng kê nhập vật liệu	80
Biểu 2.28: Chứng từ ghi sổ số 30.....	81
Biểu 2.29: Bảng kê xuất vật liệu	83
Biểu 2.30: Chứng từ ghi sổ số 34.....	84
Biểu 2.31: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ	85
Biểu 2.32: Sổ Cái TK 152	86
Biểu 3.1: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ	93

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.....	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	12
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư.....	13
Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kê khai thường xuyên.....	16
Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kiểm kê định kỳ.....	19
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	20
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	22
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	23
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính ...	25
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty.....	31
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	34
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	36
Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho	45
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho	58
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.....	65

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nguyên văn tiếng Việt
BVMT	Bảo vệ môi trường
DN	Doanh nghiệp
ĐGL	Đánh giá lại
GTGS	Giá trị ghi sổ
GTGT	Giá trị gia tăng
HTK	Hàng tồn kho
NK	Nhập khẩu
NVL	Nguyên vật liệu
PNK	Phiếu nhập kho
PP	Phương pháp
PXK	Phiếu xuất kho
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXSP	Sản xuất sản phẩm
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TK	Tài khoản
TP	Trưởng phòng
TSCĐ	Tài sản cố định
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XDCB	Xây dựng cơ bản

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực nguyên vật liệu (NVL). Các công trình đã mở ra các hướng nghiên cứu mới và góp phần ứng dụng trong thực tiễn. Trong đó có một số công trình tiêu biểu như:

Đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Phước Lộc*” của tác giả Vũ Thị Trang năm 2015 tại trường Đại học Hoa Lư. Đề tài đã hệ thống cơ sở lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Phước Lộc, chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế trong kế toán nguyên vật liệu của công ty. Từ đó, đề xuất một số giải pháp có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Đề tài “*Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường*” của tác giả Đinh Thị Thanh Thủy năm 2016 tại trường Đại học Hoa Lư. Nhu cầu sử dụng NVL tại các công trình được kiểm tra, xét duyệt và định mức chặt chẽ giúp đáp ứng kịp thời nhu cầu về NVL, tránh lãng phí, tiết kiệm chi phí NVL trong giá thành công trình. Tuy nhiên, ở các công trường chưa có bộ phận kế toán riêng do đó, khối lượng công việc của nhân viên phòng kế toán tại doanh nghiệp (DN) là rất lớn. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Đề tài “*Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp tư nhân Đức Chiến*” của tác giả Lê Thu Hà năm 2017 tại trường Đại học Hoa Lư. Do đặc thù ngành xây dựng nên đòi hỏi DN phải sử dụng một khối lượng lớn NVL gồm nhiều loại khác nhau, mỗi loại có một vai trò, tính năng lý, hoá riêng nên việc quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, có nhiều loại NVL mà doanh nghiệp không lập dự phòng nên công

tác sử dụng NVL gặp nhiều khó khăn. Vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để đánh giá thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp tư nhân Đức Chiến, từ đó tìm ra giải pháp phù hợp để hoàn thiện kế toán NVL tại công ty.

Các công trình trên đã đề cập tới thực trạng kế toán NVL trên cả bình diện lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, để có cái nhìn đa chiều hơn về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng nhằm đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện kế toán NVL tại công ty là vấn đề chưa có tác giả nào nghiên cứu. Vì vậy, việc phân tích để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng là việc hết sức cần thiết.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Sau khi Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam. Các DN cần nỗ lực trong việc tìm kiếm thị trường, không ngừng xây dựng và khẳng định thương hiệu của mình bằng các sản phẩm không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường.

Muốn làm được điều đó thì các DN phải nắm rõ tình hình tài chính của công ty. Để nắm rõ được tình hình tài chính của DN thì đội ngũ kế toán trong công ty là một công cụ đắc lực giúp nhà quản lý nắm bắt được những thông tin về chi phí đầu vào của quá trình sản xuất cũng như kết quả đầu ra.

Nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất sản phẩm (SXSP), có tác động trực tiếp đến chất lượng và giá thành sản phẩm của DN. Với sự phát triển của xã hội, nhu cầu của con người ngày càng tăng, chủng loại hàng hoá phong phú và đa dạng thì vai trò của NVL là rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Việc sử dụng hiệu quả, tiết kiệm NVL là việc hết sức quan trọng. Các DN cần phải nỗ lực không ngừng để nâng cao trình độ quản lý SXKD, đặc

biệt trong quản lý và sử dụng NVL. Tổ chức hạch toán nguyên vật liệu chặt chẽ và khoa học giúp cho DN theo dõi được tình hình nhập xuất, dự trữ, bảo quản và sử dụng, đảm bảo tiết kiệm nguyên vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và đem lại lợi nhuận cao cho DN.

Nhất là trong hoàn cảnh hiện nay khi nguồn lực ngày càng cạn kiệt, giá NVL tăng cao thì việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu có ý nghĩa quyết định đến sự sống còn của DN.

Trong những năm qua, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng đã chú trọng nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán, không ngừng đào tạo, tuyển dụng nhân viên có trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, kế toán NVL tại công ty vẫn còn những hạn chế như: nguyên vật liệu có nhiều chủng loại, đa dạng nên việc quản lý còn gặp khó khăn; công tác bảo vệ NVL còn bất cập dẫn tới thất thoát ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu đến công tác quản lý sản xuất nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung, tác giả đã lựa chọn đề tài: “*Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng*” – đây là đề tài chưa có tác giả nào nghiên cứu, để đi sâu tìm hiểu các vấn đề xoay quanh kế toán nguyên vật liệu, thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

3. Mục đích nghiên cứu

- Phân tích làm rõ, hệ thống hoá lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong DN xuất nhập khẩu.
- Phân tích, đánh giá thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng từ đó tìm ra những nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.
- Đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng trong thời gian tới.

4. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng

5. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: nghiên cứu thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng
- Thời gian: số liệu thứ cấp thu thập được từ năm 2020 – 2022
- Không gian: nghiên cứu tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng

6. Cách tiếp cận đề tài

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp

Quy trình nghiên cứu theo các bước:

- + Xác định mục tiêu nghiên cứu
- + Thu thập số liệu nghiên cứu
- + Xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu
- + Báo cáo kết quả nghiên cứu và đưa ra các kiến nghị, đề xuất

7. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với thu thập thông tin, so sánh và đối chiếu, tổng hợp số liệu.
- Sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp thu thập được từ các tài liệu của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng.

Chương 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Tổng quan về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu

1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm, dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình DN. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị NVL chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

Nguyên vật liệu của DN là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của DN để chế tạo ra sản phẩm. Đối tượng lao động ở đây được hiểu là những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với nhu cầu của mình. Do đó, việc quản lý và sử dụng NVL có hiệu quả góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh trong DN.

1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động. NVL là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa như: gỗ, sơn trong DN thiết kế thi công đồ nội thất; sắt, thép trong DN cơ khí chế tạo; vải trong DN may mặc; sợi trong DN dệt,...

- Về mặt giá trị: khi tham gia vào quá trình sản xuất, NVL chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị của chúng vào chi phí SXKD trong kỳ và hình thành nên chi phí NVL trực tiếp.

- Về mặt hiện vật: trong quá trình SXSP, khác với tư liệu lao động, NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và trong chu kỳ sản xuất đó, dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị, NVL sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra một hình thái vật chất của sản phẩm.

- Về mặt kỹ thuật: NVL là những tài sản vật chất tồn tại dưới nhiều hình thái khác nhau và dễ bị tác động bởi thời tiết, khí hậu, môi trường xung quanh.

NVL là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, được xếp vào tài sản lưu động, giá trị NVL thuộc vốn lưu động dự trữ. NVL chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, vì vậy nó quyết định về mặt số lượng của sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra của cả quá trình sản xuất.

Như vậy, để đảm bảo yêu cầu sản xuất, DN phải thường xuyên tiến hành thu mua, dự trữ và quản lý chặt chẽ NVL về mặt số lượng, chủng loại, chất lượng và giá trị để tránh lãng phí, mất mát.

1.1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu

Xét cả về mặt hiện vật và giá trị, NVL là một trong những yếu tố không thể thiếu của bất kỳ quá trình sản xuất nào, là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động. Việc tổ chức quản lý tốt tình hình sử dụng NVL góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, dự trữ NVL hợp lý và cung ứng kịp thời sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

NVL là một yếu tố trực tiếp cấu thành nên sản phẩm, do đó, chất lượng của NVL ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của DN. Vì vậy, đảm bảo chất lượng NVL cũng là một biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo uy tín cho DN.

Trong doanh nghiệp sản xuất, NVL chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Việc hạ giá thành sản phẩm là một vấn đề mà bất cứ DN nào cũng quan tâm, bởi có hạ được giá thành sản phẩm thì DN mới có khả năng cạnh tranh trên thị trường, mới có điều kiện để tăng lợi nhuận, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, củng cố vị trí của DN trên thị trường.

Như vậy, NVL đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động kinh doanh của mỗi DN. Do đó, mỗi DN cần sử dụng tiết kiệm và hiệu quả NVL để hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Giá trị NVL thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí SXKD, vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng vật liệu là điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho DN.

Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán NVL, trước hết các DN phải xây dựng được hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho NVL. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của NVL phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách, chủng loại của NVL.

Để quá trình SXKD liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì DN phải dự trữ NVL ở mức độ hợp lý. Do vậy, các DN phải xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm NVL, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại NVL nào đó. Định mức tồn kho của NVL còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua NVL và kế hoạch tài chính của DN.

Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các DN phải xây dựng hệ thống kho tàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý NVL tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất, tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.1.2.2. Nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu

Để cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin cho công tác quản lý NVL trong DN, kế toán NVL phải thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của NVL nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị NVL xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao NVL.

- Phân bổ hợp lý giá trị NVL sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - kinh doanh.

- Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị NVL tồn kho, phát hiện kịp thời NVL thiếu, thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để DN có biện pháp xử

lý kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại NVL theo quy định. Lập báo cáo kế toán phục vụ công tác quản lý

1.1.3. Phân loại và phương pháp tính giá nguyên vật liệu

1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu

NVL sử dụng trong các DN có nhiều loại, mỗi loại NVL có vai trò, công dụng và các đặc tính lý, hoá khác nhau trong quá trình sản xuất - kinh doanh. Trong điều kiện đó, để tổ chức tốt việc quản lý và hạch toán NVL, đảm bảo hiệu quả sử dụng trong sản xuất, đòi hỏi các DN phải tiến hành phân loại NVL.

Phân loại NVL là quá trình sắp xếp NVL theo từng loại, từng nhóm theo một căn cứ nhất định nhưng tùy thuộc vào loại hình cụ thể của từng DN, theo từng loại hình sản xuất, theo nội dung kinh tế và công dụng của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

❖ Phân loại theo vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu, NVL bao gồm

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói, phục vụ cho quá trình lao động. Ví dụ như keo, thuốc tẩy, dầu nhòn...

- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí, như xăng, dầu, khí gas, than đá...

- Vật tư thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản (XDCB): Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình XDCB.

- Vật liệu khác: là các loại vật liệu đặc chủng của từng DN hoặc phế liệu thu hồi.

Việc phân loại như trên có ưu điểm giúp người quản lý thấy rõ vai trò và tác dụng của từng loại NVL trong sản xuất kinh doanh. Qua đó, đề ra quyết định về việc quản lý và hạch toán từng loại nhằm nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng NVL.

❖ Phân loại theo nguồn hình thành nguyên vật liệu, NVL bao gồm

- NVL tự gia công chế biến: là vật liệu do DN tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Ví dụ như DN sản xuất đường xây dựng nông trường mía để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến.

- NVL mua ngoài: là loại vật liệu mà DN không tự sản xuất được và phải mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- NVL có được từ nguồn khác: được biếu, tặng; được cấp; nhận vốn góp liên doanh...

Cách phân loại này là cơ sở để DN quản lý và sử dụng các loại NVL từ các nguồn khác nhau, đánh giá được hiệu quả sử dụng trong sản xuất. Ngoài ra còn đảm bảo việc phản ánh chính xác số liệu hiện có và tình hình biến động của từng nguồn vốn kinh doanh của DN.

❖ Phân loại theo mục đích sử dụng, NVL được chia thành

- NVL trực tiếp dùng cho sản xuất kinh doanh:

- NVL dùng cho mục đích khác: phục vụ cho sản xuất chung, cho bán hàng, cho quản lý DN.

Cách phân loại như trên giúp cho DN nắm bắt được tình hình sử dụng NVL tại mỗi bộ phận và các nhu cầu khác. Qua đó, giúp cân đối, điều chỉnh

kế hoạch sản xuất, tiêu thụ.

1.1.3.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu

Tính giá NVL là công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán NVL. Tính giá NVL là dùng tiền để biểu hiện giá trị của NVL. Theo chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho (HTK) thì nguyên vật liệu luân chuyển trong các DN phải được tính theo giá thực tế (giá gốc). Giá thực tế của NVL là loại giá được hình thành trên cơ sở các chứng từ hợp lệ chứng minh các khoản chi phí hợp pháp của DN để tạo ra NVL.

❖ Phương pháp tính giá NVL nhập kho

- Đối với NVL mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá mua ghi trên hoá đơn	+	Chi phí thu mua	+	Các loại thuế không được hoàn lại	-	Các khoản giảm giá (nếu có)
----------------------	---	--------------------------	---	-----------------	---	-----------------------------------	---	-----------------------------

Ở đây, giá mua ghi trên hoá đơn được xác định như sau:

+ Trường hợp DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT không được tính vào giá thực tế của NVL nhập kho.

+ Trường hợp DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT được tính vào giá thực tế của NVL nhập kho.

- Đối với NVL tự gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thực tế NVL xuất chế biến	+	Các chi phí gia công chế biến phát sinh
----------------------	---	-------------------------------	---	---

- Đối với NVL thuê ngoài gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thực tế xuất kho	+	Chi phí vận chuyển	+	Chi phí gia công
----------------------	---	----------------------	---	--------------------	---	------------------

- Đối với NVL nhận vốn góp liên doanh, cổ phần thì giá thực tế nhập kho là giá trị NVL được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận.

- Đối với NVL được viện trợ, tặng, thưởng thì giá thực tế nhập kho được tính theo giá thị trường tại thời điểm giao nhận.

- Đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất – kinh doanh thì giá thực

tế được tính theo đánh giá thực tế hoặc theo giá bán trên thị trường.

❖ Phương pháp tính giá NVL xuất kho

Việc lựa chọn phương pháp (PP) tính giá thực tế NVL xuất kho cần căn cứ vào đặc điểm của từng DN về số lượng danh điểm, số lần nhập – xuất NVL, trình độ của kế toán viên, thủ kho, điều kiện kho bãi của DN. Tuy nhiên, việc DN chọn phương pháp tính giá nào thì đều phải tuân thủ nguyên tắc nhất quán, nghĩa là phải ổn định phương pháp tính giá NVL xuất kho ít nhất trong một niên độ kế toán. Việc tính trị giá của nguyên liệu, vật liệu xuất kho trong kỳ, được thực hiện theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp 1: Phương pháp giá thực tế đích danh (tính trực tiếp)

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ sản phẩm sản xuất ra, từng thứ hàng hoá mua vào nên chỉ áp dụng cho các DN có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết giá nhập của từng lô NVL, có điều kiện quản lý, bảo quản riêng theo từng lô trong kho.

Ưu điểm: độ chính xác cao, tính giá NVL được thực hiện kịp thời, đồng thời kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL. Khi xác định giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: chỉ phù hợp với đơn vị có giá trị hàng tồn kho lớn, mang tính chất đơn chiếc, ổn định, theo dõi riêng và nhận diện được từng lô hàng.

- Phương pháp 2: Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại HTK được tính theo giá trị trung bình của từng loại HTK đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính sau từng lô hàng nhập về hoặc theo từng kỳ, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi DN.

+ Tính theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (đơn giá bình quân di động):

Sau mỗi lần nhập, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân của từng danh điểm NVL. Phương pháp này chỉ áp

dụng cho những doanh nghiệp có ít danh điểm NVL và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế HTK sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế HTK sau mỗi lần nhập}}$$

Do đó:

$$\text{Giá trị thực tế xuất kho} = \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} \times \text{Số lượng xuất từng lần trong kỳ}$$

Ưu điểm: cho phép kế toán tính giá NVL xuất kho kịp thời.

Nhược điểm: khối lượng công việc tính toán nhiều và phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL.

+ Tính theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (đơn giá bình quân cố định):

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của DN áp dụng mà kế toán HTK căn cứ vào giá nhập, lượng HTK đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá HTK nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HTK tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng HTK nhập trong kỳ}}$$

Do đó:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Ưu điểm: đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết NVL.

Nhược điểm: dồn công việc tính giá NVL xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác, đồng thời phải tiến hành tính giá theo từng danh điểm NVL.

- Phương pháp 3: Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO – First in first out)

Phương pháp nhập trước - xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị NVL được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, vì vậy lượng NVL xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính theo giá thực tế của lần nhập đó. PP này chỉ thích hợp với những DN ít danh điểm NVL, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

Ưu điểm: tính ngay được giá vốn của từng lô hàng khi xuất, đảm bảo cung cấp kịp thời số liệu cho kế toán ghi chép và công tác quản lý. Trị giá vốn HTK sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy, chỉ tiêu HTK trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại bởi giá trị hàng xuất kho tương ứng với giá của những lần nhập trước. Đồng thời, nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, hoạt động nhập - xuất diễn ra liên tục sẽ khiến cho chi phí hạch toán và khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

1.2. Nội dung kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.2.1.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

❖ Kế toán tình hình nhập, xuất NVL liên quan đến nhiều loại chứng từ khác nhau. Để đảm bảo phản ánh các nội dung chi tiết làm cơ sở cho việc ghi sổ, kiểm tra của kế toán, DN có thể sử dụng linh hoạt các chứng từ kế toán hướng dẫn. Chứng từ kế toán sử dụng được quy định theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các quyết định khác có liên quan, bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03 - VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số 05 - VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06 - VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)

- Hóa đơn GTGT
- Hoá đơn bán hàng thông thường
- ❖ Để hạch toán chi tiết NVL, tùy thuộc vào phương pháp kế toán áp dụng trong DN mà sử dụng các sổ (thẻ) chi tiết cho phù hợp. Các sổ (thẻ) chi tiết thường dùng:
 - Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số S06 - DNN)
 - Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S07-DNN)
 - Thẻ (sổ) kho (Mẫu số S08-DNN)
 - Sổ đối chiếu luân chuyển
 - Sổ số dư
 - Ngoài ra, DN còn có thể mở thêm các bảng kê nhập (xuất) vật liệu, bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho NVL, phiếu giao nhận chứng từ để phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết nhanh chóng, kịp thời.

1.2.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu. Kế toán vật liệu vừa được thực hiện ở kho, vừa được thực hiện ở phòng kế toán. Kế toán chi tiết vật liệu được thực hiện theo một trong ba phương pháp:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư.

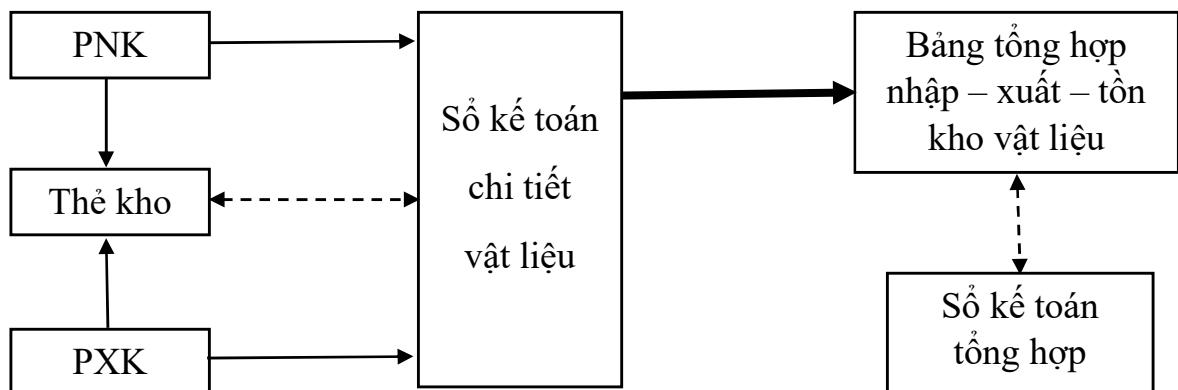
❖ **Phương pháp thẻ song song**

- Nguyên tắc mở sổ:
 - + Thẻ kho (sổ kho) do thủ kho theo dõi về mặt số lượng.
 - + Sổ chi tiết mở theo thẻ kho được kế toán vật tư theo dõi cả về số lượng và giá trị.
- Trình tự ghi chép:
 - + Tại kho: hàng ngày ghi nhận chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho

phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho tập hợp chứng từ nhập, xuất kho chuyển về phòng kế toán.

+ Tại phòng kế toán: Mở sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị vật liệu. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán vật tư phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền, sau đó ghi vào sổ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng, kế toán cộng sổ chi tiết tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp NVL.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> Đối chiếu

- Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.
- Nhược điểm: việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn nhiều trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Mặt khác làm hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán do việc kiểm tra và đối chiếu chủ yếu được tiến hành vào cuối tháng.
- Phạm vi áp dụng: thích hợp với những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít loại vật liệu, số lượng nghiệp vụ ít, trình độ kế toán còn chưa cao.

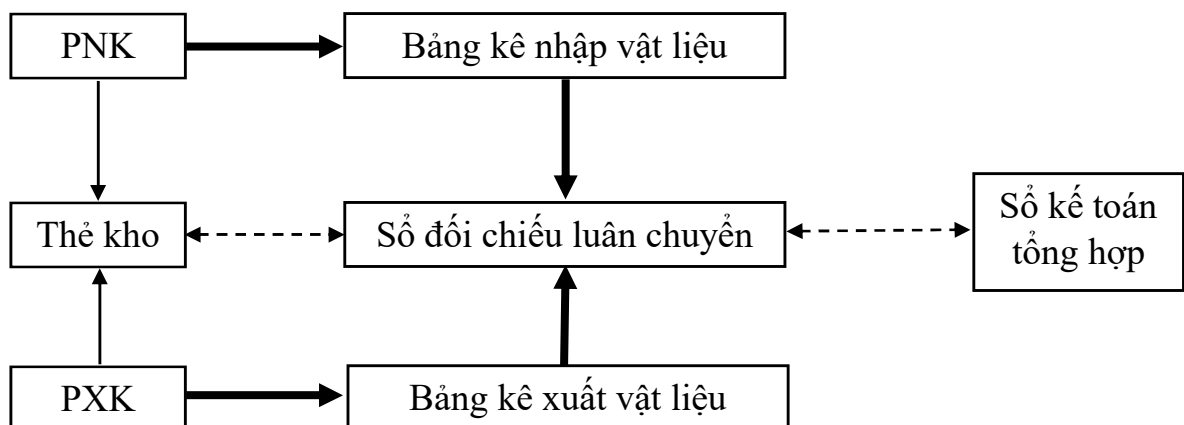
❖ Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Trình tự ghi chép:

+ Tại kho: theo phương pháp này thì thủ kho cũng dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập – xuất – tồn vật liệu về mặt số lượng (thực hiện như phương pháp thẻ song song)

+ Tại phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn kho vật liệu theo từng kho dùng cho cả năm. Sổ đối chiếu luân chuyển chỉ ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng. Cuối tháng, trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất NVL theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, bảng kê xuất vật liệu. Rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối kỳ đối chiếu thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển và sổ kế toán tổng hợp NVL.

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL
theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu

- Ưu điểm: tiết kiệm công tác lập sổ kế toán so với PP thẻ song song, giảm nhẹ khối lượng ghi chép của kế toán do chỉ ghi một lần vào cuối tháng, tránh việc ghi chép trùng lặp.

- Nhược điểm: khó kiểm tra, đối chiếu, khó phát hiện sai sót và dồn công việc vào cuối kỳ nên hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên, liên tục. Hơn

nữa làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

- Phạm vi áp dụng: thích hợp với những DN có nhiều danh điểm vật tư nhưng số lượng chứng từ nhập, xuất không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập, xuất hàng ngày.

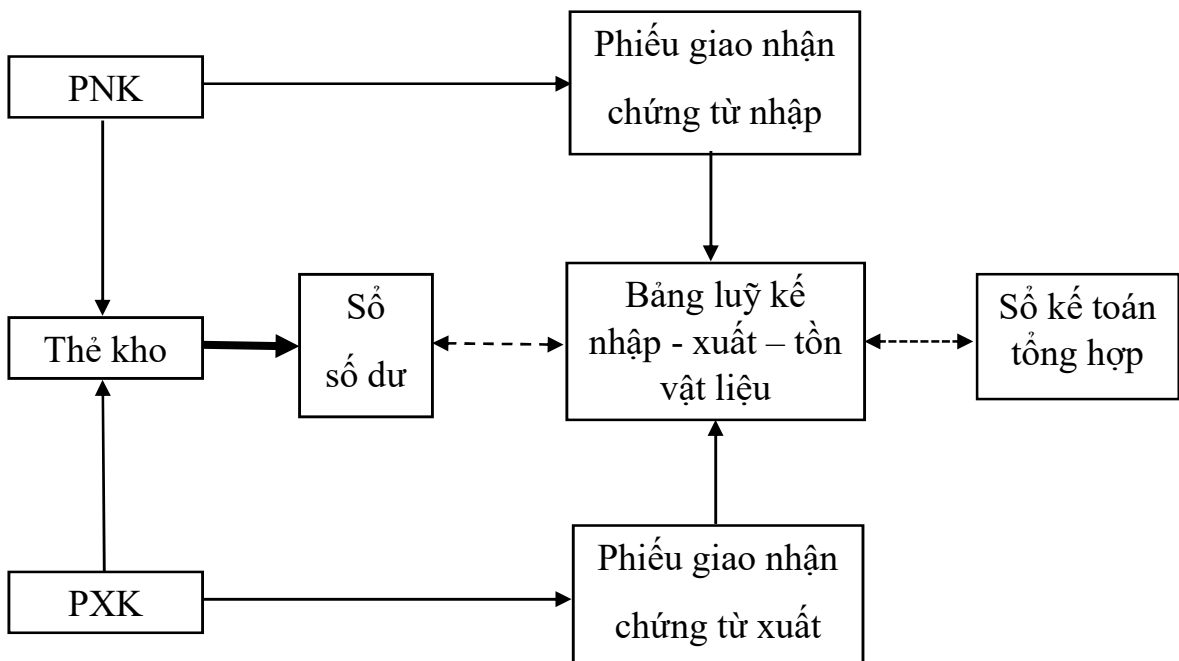
❖ Phương pháp sổ số dư

- Trình tự ghi chép:

+ Tại kho: thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng nhập - xuất - tồn vật liệu trên cơ sở chứng từ nhập, xuất. Ngoài ra, vào cuối tháng, thủ kho còn phải căn cứ vào số tồn của vật liệu trên thẻ kho để ghi vào sổ số dư. Sổ số dư do phòng kế toán lập và gửi xuống cho thủ kho vào ngày cuối tháng để ghi sổ. Mỗi kho mở một sổ số dư và dùng cho cả năm. Sau khi ghi thẻ kho, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho theo từng NVL sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho phòng kế toán kèm theo các chứng từ (PNK, P XK). Cuối tháng, bộ phận kho gửi cho phòng kế toán sổ số dư làm căn cứ đối chiếu.

+ Tại phòng kế toán: định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến, có lập phiếu giao nhận chứng từ. Căn cứ vào đó, kế toán lập bảng lũy kế nhập - xuất - tồn. Cuối kỳ, tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm NVL trên sổ số dư với bảng lũy kế nhập - xuất - tồn.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu

- Ưu điểm: tránh được sự trùng lặp giữa kho với kế toán về mặt số lượng và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn công việc vào cuối kỳ.

- Nhược điểm: do kế toán chỉ theo dõi việc kiểm tra và đối chiếu giữa kho nên kế toán gặp nhiều khó khăn trong kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót.

- Phạm vi áp dụng: thích hợp với những DN có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập - xuất của mỗi loại nhiều. Đồng thời, nhân viên kế toán và thủ kho của DN phải có trình độ chuyên môn cao.

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Khái niệm, đặc điểm của phương pháp

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư, hàng hóa trên tài khoản và sổ kế toán. Vì vậy, giá trị của vật tư, hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

- Cuối kỳ hạch toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hóa tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn trên sổ kế toán để xác định số lượng vật tư thừa, thiếu và truy tìm nguyên nhân để có giải pháp xử lý kịp thời.

- Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng thích hợp trong các DN sản xuất và các đơn vị thương mại kinh doanh mặt hàng có giá trị, quy mô lớn, NVL xuất theo dõi được từng lần. Phương pháp này có độ chính xác cao, giúp xác định được số lượng nhập, xuất, tồn kho kịp thời. Tuy nhiên, PP này lại làm tăng khối lượng ghi chép hàng ngày và tốn nhiều công sức tính toán.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản (TK) 152: Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại NVL theo giá thực tế của DN. TK 152 có thể mở thêm các tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng loại, từng nhóm vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của DN.

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại được hưởng khi mua nguyên liệu, vật liệu.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ: trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

- Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường

TK này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của DN đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, kho ngoại quan hoặc đã về tới DN nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Bên Nợ: trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

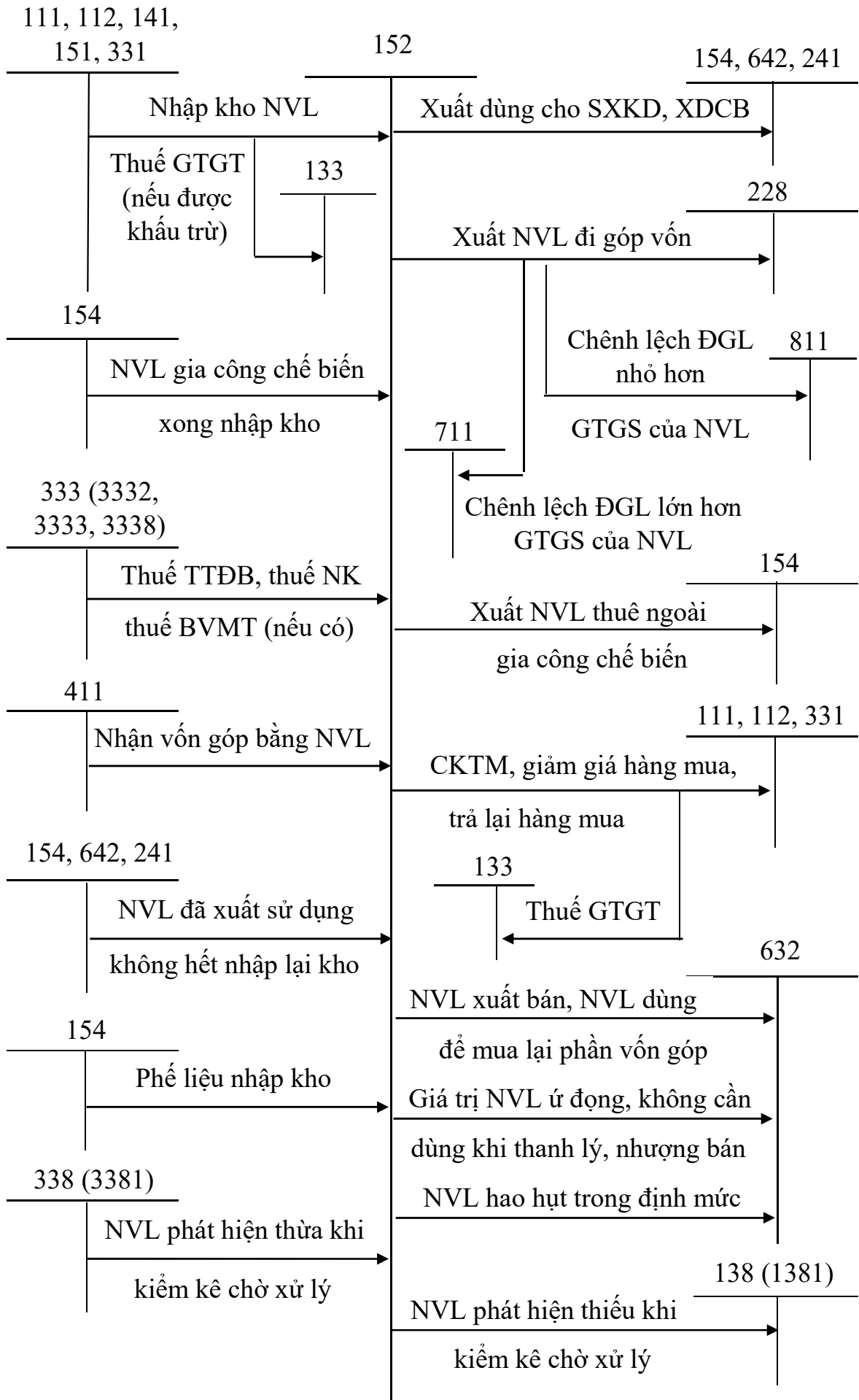
Bên Có: trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư bên Nợ: trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho DN).

Ngoài các TK trên, kế toán còn sử dụng nhiều TK liên quan khác: TK 111, TK 112, TK 133, TK 331,...

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kê khai thường xuyên



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

❖ Khái niệm, đặc điểm của phương pháp

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là PP hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị HTK cuối kỳ trên số kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị hàng xuất trong kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ}$$

- Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế. Như vậy, khi áp dụng PP kiểm kê định kỳ, các tài khoản HTK chỉ được sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để kết chuyển số dư cuối kỳ). Giá trị vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được phản ánh trên một TK riêng là TK 611 “Mua hàng”.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các DN có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp và hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ...). Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị vật tư, hàng hóa xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng bởi chất lượng của công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi...

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 611: Mua hàng

Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm NVL theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu mua).

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán và hàng hóa gửi đi bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 152: Nguyên liệu, vật liệu

TK này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Bên Nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ.

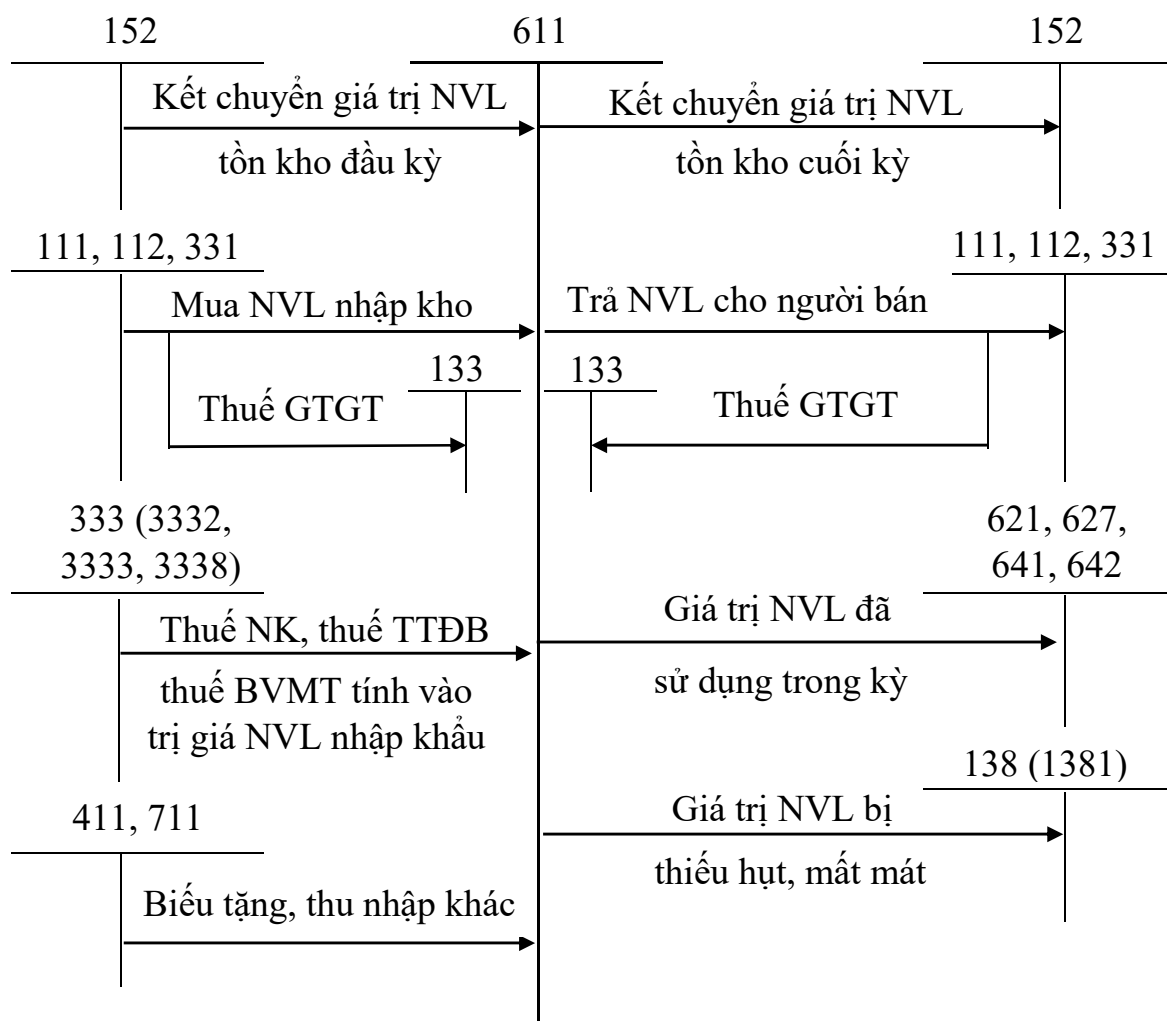
Bên Có: kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, TK 112, TK 133, TK 331.... Các tài khoản này có nội dung và kết cấu giống như PP kê khai thường xuyên.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kiểm kê định kỳ



1.2.3. Các hình thức ghi sổ

Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, mỗi DN được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng được hình thức ghi sổ kế toán cho riêng mình, DN có thể áp dụng các hình thức sổ kế toán được hướng dẫn trong phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 133/2016/TT-BTC để lập Báo cáo tài chính phù hợp với đặc điểm quản lý và hoạt động kinh doanh của mình. Có thể áp dụng một trong các hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Nhật ký chung.
- Nhật ký- Sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ.
- Kế toán trên máy vi tính.

1.2.3.1. Hình thức nhật ký chung

❖ Đặc trưng cơ bản

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó.

- Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

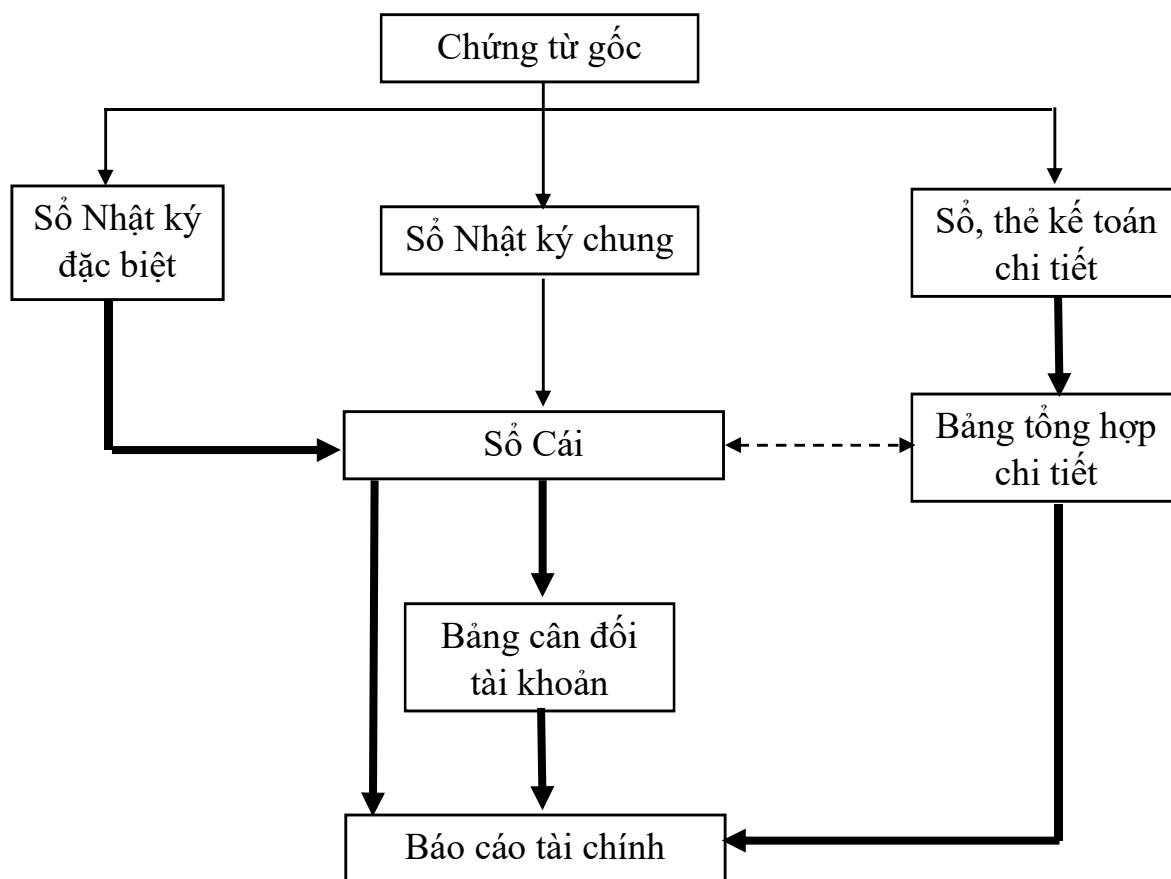
- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

+ Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.

+ Sổ cái.

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết,

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ưu điểm**

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện cho việc phân công lao động.
- Được dùng phổ biến, thích hợp với mọi đơn vị kế toán, thuận tiện cho việc kế toán máy.
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung, cung cấp thông tin kịp thời.

❖ **Nhược điểm**

Một số nghiệp vụ trùng lặp do vậy cuối tháng phải loại bỏ số liệu trùng sau đó mới ghi vào sổ cái.

❖ **Điều kiện áp dụng**

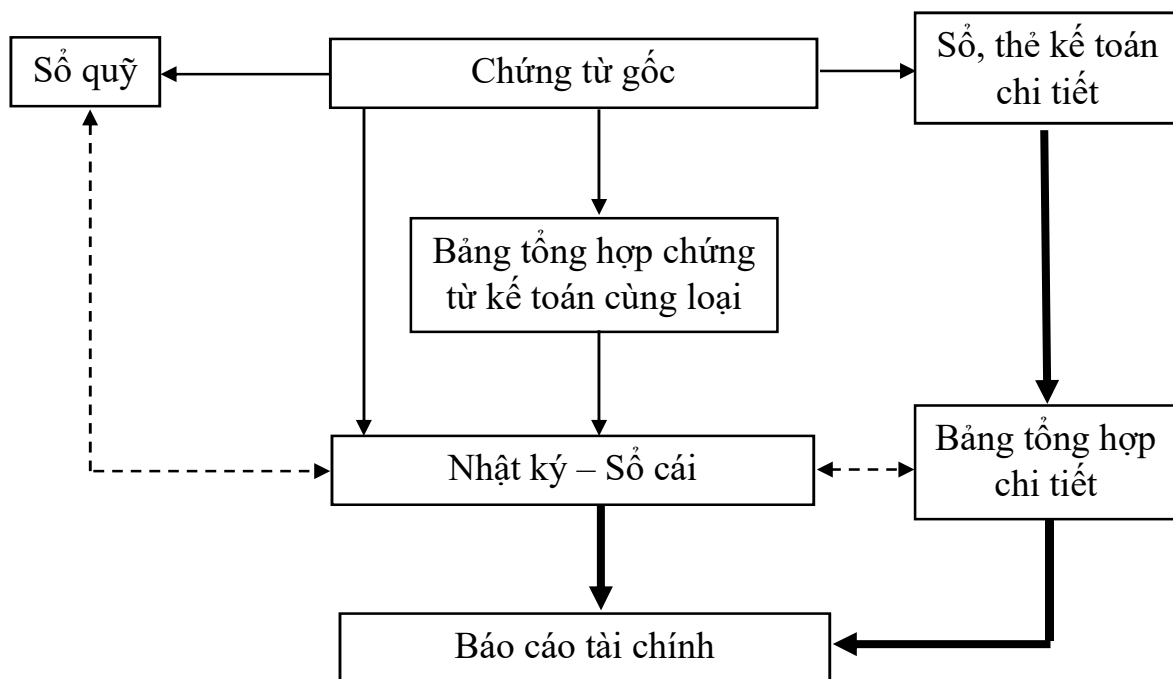
- Trong điều kiện kế toán thủ công, áp dụng đối với các DN quy mô vừa và nhỏ, hoạt động đơn giản.
- Trong điều kiện kế toán máy thì hình thức này phù hợp với mọi loại quy mô đơn vị.

1.2.3.2. *Hình thức nhật ký – sổ cái*

❖ **Đặc trưng cơ bản**

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (theo TK kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái.
- Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc các bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:
 - + Sổ Nhật ký - Sổ cái.
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ưu điểm**

- Số lượng số ít, mẫu số đơn giản, dễ ghi chép.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ tổng hợp Nhật ký- Sổ cái.

❖ **Nhược điểm**

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất một sổ Tổng hợp Nhật ký- Sổ cái).
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoạt động phức tạp và sử dụng nhiều tài khoản.

❖ **Điều kiện áp dụng**

Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, ít nghiệp vụ kế toán, sử dụng ít tài khoản kế toán, trình độ quản lý thấp.

1.2.3.3. *Hình thức chứng từ ghi sổ*

❖ **Đặc trưng cơ bản**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ưu điểm**

Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ kiểm tra đối chiếu, công việc kế toán được phân đều trong tháng, dễ phân công chia nhỏ.

❖ **Nhược điểm**

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp ảnh hưởng đến năng suất lao động và hiệu quả công tác kế toán.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

❖ **Điều kiện áp dụng**

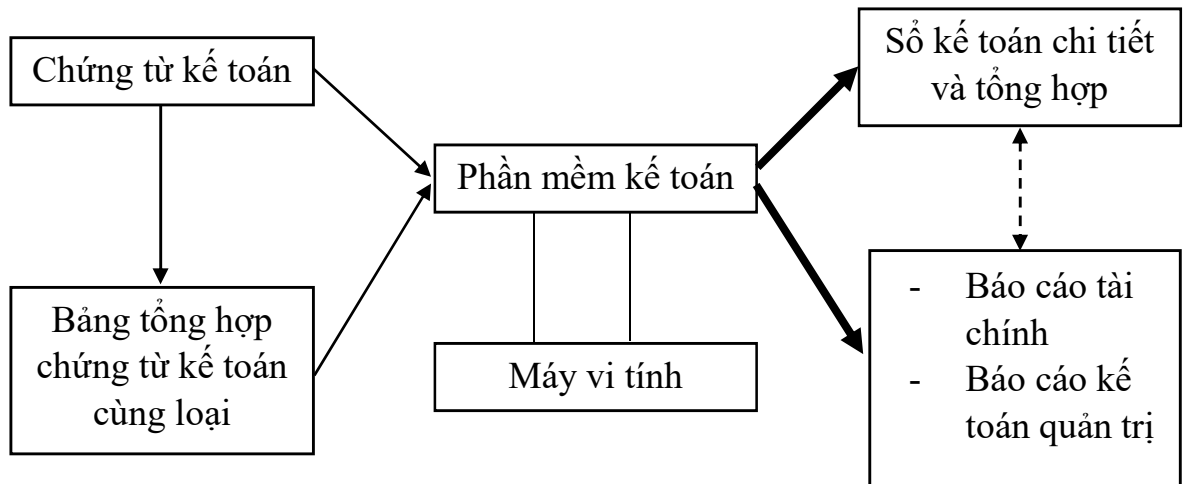
Thích hợp với mọi loại hình, quy mô đơn vị SXKD và hành chính sự nghiệp, phù hợp với điều kiện lao động kế toán thủ công và kế toán máy.

1.2.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc trưng cơ bản**

- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên.
- Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.
- Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức
kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ưu điểm**

- Việc hạch toán sổ sách sẽ không mất nhiều thời gian.
- Xử lý dữ liệu nhanh chóng và chính xác.

❖ **Nhược điểm:**

- Khi hạch toán ban đầu có sai sót thì các sổ liên quan đều bị ảnh hưởng.
- Chỉ đáp ứng về mặt sổ sách thông thường, các phân tích thống kê mang tính quản trị là rất khó.

Chương 2 – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng được thành lập theo quyết định số 30/GP/TLDN do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/10/1999.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng
- Tên giao dịch quốc tế: Nguyen Hoang Import Export Company Limited
- Tên viết tắt: IMEXCO NGUYEN HOANG
- Địa chỉ: 228 đường Trần Phú - phố Yết Kiêu – phường Nam Thành – Thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình
- Mã số thuế: 2700263128
- Vốn điều lệ: 7.128.000.000 đồng
- Đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Kiệm
- Điện thoại: 0906518999
- Email: info@nguyenhoangvn.com

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng tiền thân là cơ sở sản xuất kinh doanh Nguyễn Hoàng chỉ sản xuất và mua bán trong nước, được thành lập và hoạt động kinh doanh từ năm 1996. Trong suốt quá trình hoạt động, do nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của mình, DN đã tìm hiểu và nghiên cứu thị trường tiêu thụ nước ngoài. Để phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ về đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, đến năm 1999 cơ sở SXKD Nguyễn Hoàng đã trở thành DN tư nhân xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng, đăng ký hoạt động kinh doanh số 30/GP/TLDN do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/10/1999. Sau đó, đến năm 2017, DN tư nhân xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng lại tiếp tục đổi tên thành Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng.

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng có đầy đủ tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật công ty và tổ chức hạch toán độc lập. Đến nay, DN vẫn đang hoạt động và phát triển với mặt hàng chủ yếu là đồ thủ công mỹ nghệ như thêu ren: ga gối, khăn phủ giường, khăn bàn...

Dưới sự lãnh đạo của Ban Giám Đốc cùng với sự đồng tâm hiệp lực của đội ngũ giàu kinh nghiệm, tận tụy, giỏi tay nghề đã giúp công ty không ngừng phát triển và lớn mạnh. Số nhân viên khi mới thành lập là 9 người thì đến nay, nhân sự của công ty là 200 người cùng với các máy móc, thiết bị không ngừng được đổi mới, cải tiến.

2.1.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Giai đoạn 2020 – 2022, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng cũng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19 và cả sự cạnh tranh quyết liệt của các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, công ty và đội ngũ cán bộ công nhân viên đã không ngừng nỗ lực và duy trì hoạt động SXKD của công ty. Sau đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty trong những năm gần đây :

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng giai đoạn 2020 – 2022

DVT: đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh 2021/2020		So sánh 2022/2021	
					Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tài sản lưu động	9.732.487.284	9.775.498.251	9.012.740.086	43.010.967	0,44%	-762.758.165	-7,8%
2	Tài sản cố định	10.095.384.642	10.130.692.859	9.477.863.857	35.308.217	0,35%	-652.829.002	-6,44%
3	Tổng nguồn vốn	19.827.871.926	19.906.191.110	18.490.603.943	78.319.184	0,39%	-1.415.587.167	-7,11%
4	Vốn chủ sở hữu	14.489.177.494	14.765.545.284	13.725.065.958	276.367.790	1,91%	-1.040.479.326	-7,05%
5	Doanh thu thuần	19.374.582.382	19.546.778.228	18.197.856.266	172.195.846	0,89%	-1.348.921.962	-6,9%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	888.510.273	918.866.274	655.079.595	30.356.001	3,42%	-263.786.679	-28,71%
7	Thuế thu nhập DN	124.391.438	128.641.279	131.015.919	4.249.841	3,42%	2.374.640	1,85%
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	764.118.835	790.224.995	524.063.376	26.106.160	3,42%	-266.161.319	-33,68%
9	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	4.800.000	5.000.000	4.500.000	200.000	4,17%	-500.000	-10%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng)

❖ **Nhận xét:** Từ số liệu trên cho ta đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty như sau:

- Tài sản lưu động (bao gồm vốn bằng tiền, các khoản phải thu, HTK và tài sản ngắn hạn khác) đã có sự biến động trong 3 năm. Cụ thể: năm 2021 tăng so với năm 2020 là 43.010.967 đồng tương ứng với tốc độ tăng 0,44%. Tuy nhiên, năm 2022 giảm 762.758.165 đồng so với năm 2021, tương ứng với tốc độ giảm 7,8%.

- Tài sản cố định (bao gồm TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và hao mòn TSCĐ). Năm 2021 tăng 35.308.217 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 0,35% so với năm 2020. Năm 2022 giảm so với năm 2021 là 652.829.002 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 6,44%. Mặc dù TSCĐ năm 2022 có giảm nhưng vẫn được DN khai thác sử dụng hiệu quả, giúp tạo ra doanh thu cho công ty.

- Tổng nguồn vốn kinh doanh của DN năm 2021 tăng 78.319.184 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 0,39% so với năm 2020. Tổng nguồn vốn năm 2022 tăng 1.415.587.167 đồng so với năm 2021, tương ứng với tốc độ tăng là 7,11%.

- Vốn chủ sở hữu năm 2021 tăng so với năm 2020 là 276.367.790 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 1,91%. Năm 2022 giảm 1.040.479.326 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 7,05% so với năm 2021.

- Doanh thu thuần năm 2021 tăng so với năm 2020 là 172.195.846 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 0,89%. Doanh thu năm 2022 giảm so với năm 2021 là 1.348.921.962 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 6,9%.

- Lợi nhuận trước thuế của DN năm 2021 tăng so với năm 2020 là 30.356.001 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 3,42%. Năm 2022 giảm so với năm 2021 là 263.786.679 đồng, tương ứng với tốc độ giảm 28,71%. Tuy lợi nhuận năm 2022 có giảm nhưng đây vẫn là nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo công ty trước tình hình kinh doanh đặc biệt khó khăn.

- DN đã đóng góp một phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước qua khoản thuế thu nhập DN. Thuế thu nhập doanh nghiệp mà DN phải nộp năm 2021 tăng 4.249.841 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 3,42%. Năm 2022 tăng

so với năm 2021 là 2.374.640 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 1,85%. Có sự biến động mạnh như vậy là do DN bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 và được miễn giảm 30% thuế thu nhập DN trong tổng số thuế thu nhập DN phải nộp năm 2020 và 2021.

- Lợi nhuận sau thuế của DN năm 2021 tăng so với năm 2020 là 26.106.160 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 3,42%. Năm 2022 giảm so với năm 2021 là 266.161.319 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 33,68%.

- Thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2021 tăng 200.000 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 4,17% so với năm 2020. Tuy nhiên, năm 2022 lại giảm so với năm 2021 là 500.000 đồng, tương ứng với tốc độ giảm 10%. Có sự sụt giảm như vậy là do DN gặp khó khăn trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn ra, có thời gian phải đóng cửa sản xuất và cắt giảm nhân lực.

Qua việc phân tích các kết quả mà công ty đã đạt được trong giai đoạn 2020 – 2022, ta thấy năm 2022 tất cả các chỉ tiêu đều giảm. Có thể thấy, khi đại dịch COVID-19 bùng nổ mạnh mẽ ở Việt Nam đã khiến cho chuỗi cung ứng bị đứt đoạn, DN phải đóng cửa sản xuất làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình kinh doanh của DN. Tuy nhiên, nhờ sự đồng lòng của người dân, Chính phủ và cả các DN thì các biện pháp chống dịch đã có hiệu quả, đặc biệt, Chính phủ còn ban hành các gói hỗ trợ đến các DN đã giúp cho hoạt động SXKD của DN ổn định hơn, hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) cũng khả quan hơn. Điều này cho thấy sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo công ty, các phòng ban, người lao động và hơn nữa là sự hỗ trợ kịp thời của Chính phủ.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Thị trường

Ngoài thị trường trong nước, công ty vẫn đang tiếp tục xuất khẩu các sản phẩm sang nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là vào thị trường các nước châu Âu như Italy, Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha,... hay các nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... và cả thị trường khó tính như Mỹ.

❖ Đặc trưng sản phẩm của công ty

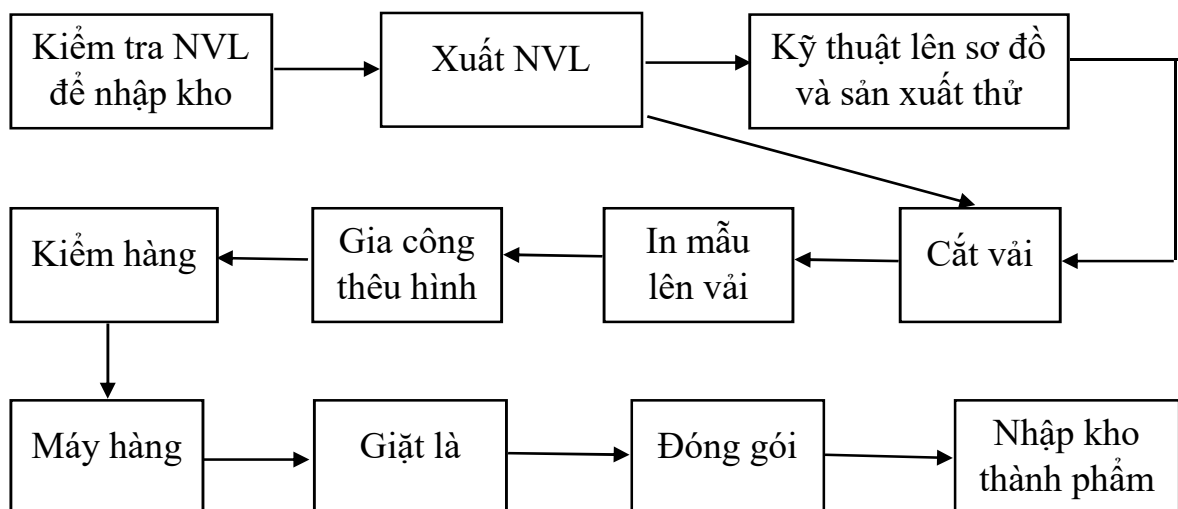
Đến nay, Nguyễn Hoàng đã trở thành một trong những DN hàng đầu

trong nước về sản xuất - xuất khẩu hàng thủ ren, thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm thân thiện với môi trường. Sản phẩm thủ ren không chỉ dừng lại ở một số mặt hàng truyền thống phục vụ nhu cầu thiết thực như ga gối, khăn trải bàn,... mà còn tạo ra các sản phẩm hiện đại hơn như quần áo thời trang, túi xách... Các mặt hàng của công ty đã và đang khẳng định vị trí của mình trên thị trường. Hơn nữa, công ty cũng đã xác định được mặt hàng chủ lực cho từng thị trường khác nhau. Chính nhờ sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo công ty đã góp phần không nhỏ đến thành công của Nguyễn Hoàng.

❖ **Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm**

Toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng được chia làm nhiều giai đoạn. Nguyên vật liệu chính được chế biến một cách liên tục theo một trình tự nhất định làm tăng tính chủ động trong sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp, dễ dàng hơn trong công tác lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, tạo sự chắc chắn và chặt chẽ trong công tác quản lý. Mỗi công đoạn của quá trình sản xuất đều có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm. Công ty đã tiên hành chuyên môn hóa ở từng công đoạn. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty có thể được khái quát qua các giai đoạn sau:

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty



(Nguồn: Phòng Kỹ thuật)

❖ **Nhiệm vụ từng giai đoạn trong quy trình như sau**

Bước 1: (Chuẩn bị). Đây là khâu then chốt để công ty thực hiện nhiệm vụ của mình. Tiến hành kiểm tra NVL để nhập kho, sau đó xuất nguyên vật liệu. Bên kỹ thuật có trách nhiệm lên sơ đồ trên giấy làm sao để tiết kiệm, tránh lãng phí NVL và tiến hành sản xuất thử mẫu.

Bước 2: (Cắt vải). Công nhân nhận vải ở kho về tiến hành trải vải. Tùy theo độ dày của vải mà có thể trải từ 15 đến 20 lớp. Sau đó, đặt sơ đồ giấy đã vẽ lên bề mặt vải và cắt. Vải được cắt bằng hai loại máy đó là máy cắt phá dùng để cắt đường ít gấp khúc và máy gọt dùng để cắt đường cong, đảm bảo được độ chính xác cao. Vải cắt xong sẽ được bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng bán thành phẩm và chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Bước 3: (In mẫu lên vải). Đây là công đoạn đòi hỏi độ chính xác và sự tỉ mỉ cao, mẫu mã sản phẩm được in lên vải nên theo đúng thiết kế về mặt họa tiết. Sau khi có số liệu từ khâu cắt tiến hành in kẻ. Sử dụng giấy can để vẽ mẫu lên giấy can, đặt giấy can lên trên mẫu vẽ, tiếp đó đặt túi bóng mỏng lên trên tờ giấy can vừa vẽ được. Dùng kim châm máy theo các mẫu đó để in mẫu lên túi bóng. Đặt mẫu in cũ có trên túi bóng lên vải nền, sau đó dùng “no” đã tẩm mực màu quét lên túi bóng. Mực sẽ theo các lỗ kim châm thấm xuống vải. Như vậy mẫu thêu sẽ được in lên vải.

Bước 4: (Thêu hình). Sau khi nhận được vải đã có mẫu hình, các sản phẩm thêu ren sẽ được những người thợ thêu thực hiện bằng đôi tay khéo léo cùng với sự tỉ mỉ của họ.

Bước 5: (Kiểm hàng). Để có được một sản phẩm thêu ren hoàn hảo cả về kỹ thuật và hình thức thì khâu kiểm hàng rất quan trọng. Các kỹ thuật viên luôn cố gắng tìm và chỉnh sửa lại từ những sai sót nhỏ nhất của sản phẩm thêu ren như đường thêu, sợi chỉ thừa,...

Bước 6: (Máy hàng). Những sản phẩm thêu ren sau khi đã qua khâu kiểm hàng sẽ được chuyển cho tổ may để máy những sản phẩm thêu đạt tiêu chuẩn về chất lượng và quy cách sản phẩm.

Bước 7: (Giặt là). Sản phẩm sau khi hoàn tất các công đoạn trên sẽ được chuyển sang khâu giặt là để làm sạch những vết bẩn, rồi ủi kỹ theo từng đường

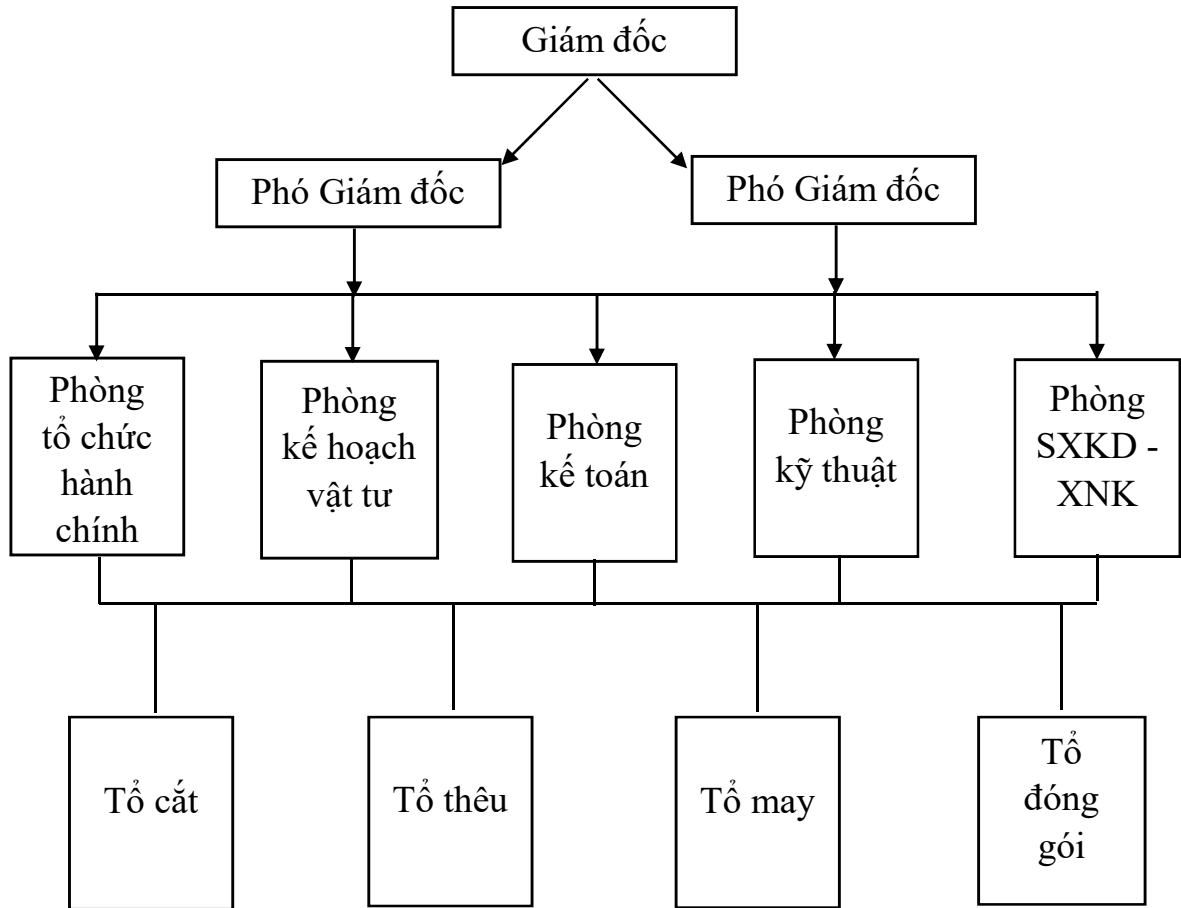
nét thêu. Bước đầu tiên của khâu này là phân loại sản phẩm, sau đó ngâm tẩy mực in. Ở công đoạn này sử dụng bột giặt axit axinic, tùy theo từng mặt hàng mà lượng bột giặt và axit cho vào ngâm là khác nhau, thời gian ngâm cho các sản phẩm cũng khác nhau. Đối với các sản phẩm màu được ngâm qua 3 – 4 bể, thời gian cho mỗi bể thường là 10 phút. Đây là hình thức giặt sống (giặt bằng nước lạnh và không sử dụng bột giặt để tránh phai màu). Đối với các sản phẩm trắng phải giặt nóng. Sau khi có nước nóng thì pha bột giặt và hoá chất vào nước. Cho sản phẩm vào ngâm khoảng 20 – 30 phút, ngâm khoảng 3 – 5 lần nước thì mới sạch.

Bước 8: (Đóng gói). Đây là khâu cuối cùng của sản phẩm thêu. Nó đóng vai trò không nhỏ trong việc tạo nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn của sản phẩm thêu ren, giúp vận chuyển sản phẩm thuận lợi. Sau khi kiểm tra chất lượng sản phẩm và đóng gói sẽ tiến hành nhập kho thành phẩm.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng là một tổ hợp chuyên môn hóa. Mỗi phòng ban có nhiệm vụ riêng nhưng không rời rạc mà liên kết thành một hệ thống không thể tách rời. Trong những năm gần đây, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, DN đã liên tục thực hiện công tác tinh giảm, sàng lọc lao động, xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, có hiệu quả.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty



(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính)

❖ **Nhiệm vụ của các phòng ban như sau**

Giám đốc: là người chỉ đạo chung, có thẩm quyền cao nhất, chỉ đạo trực tiếp hoạt động SXKD của công ty, có nhiệm vụ quản lý toàn diện trên cơ sở chấp hành đúng đắn chủ trương, chế độ chính sách của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Phó giám đốc: là người giúp việc cho giám đốc trong lĩnh vực chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất, quản lý kỹ thuật, phụ trách hành chính và nhân sự theo sự phân công và ủy quyền của giám đốc.

Phòng tổ chức hành chính: chịu trách nhiệm về mặt tổ chức nhân sự, quản lý tiền lương, tiền thưởng, bố trí sắp xếp lao động cho phù hợp với mô hình SXKD của DN, bảo hộ lao động, tổ chức sắp xếp văn phòng, bảo vệ, y tế, nhà ăn,... góp phần vào hiệu quả SXKD chung của công ty.

Phòng kế hoạch vật tư: bám sát, tìm hiểu thị trường, lập kế hoạch sản xuất, xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về sản xuất, tham mưu cho Giám

độc về công tác tiếp cận thị trường, kiểm tra, đôn đốc và thực hiện kế hoạch.

Phòng kế toán: tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực tài chính, theo dõi và báo cáo giám đốc về tình hình sử dụng vốn, cung cấp kịp thời, chính xác mọi thông tin về tình hình tài chính của DN, tổ chức điều hành kế toán theo quy định của Nhà nước, ghi chép và phản ánh trung thực về sự biến động hàng hóa trong SXKD và trong mỗi kỳ hạch toán.

Phòng kỹ thuật: theo dõi kỹ thuật quy trình công nghệ sản xuất, quy cách sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất. Phòng kỹ thuật phải tạo mẫu, sản xuất thử mẫu, sau đó chuyển giao hướng dẫn công nghệ sản xuất, thiết kế dây chuyền sản xuất cho phù hợp, tiết kiệm NVL để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Phòng SXKD - XNK: lập kế hoạch sản xuất, chịu trách nhiệm mua vật tư đầu vào và thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm, xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Tìm kiếm thị trường, bạn hàng nước ngoài, ký kết các hợp đồng XNK, giải quyết các vấn đề liên quan đến XNK.

Tổ cắt: có nhiệm vụ cắt nguyên liệu thành bán thành phẩm để chuyển cho phân xưởng thêu.

Tổ thêu: nhận bán thành phẩm từ phân xưởng cắt, gia công thêu hình sản phẩm theo mẫu đã có.

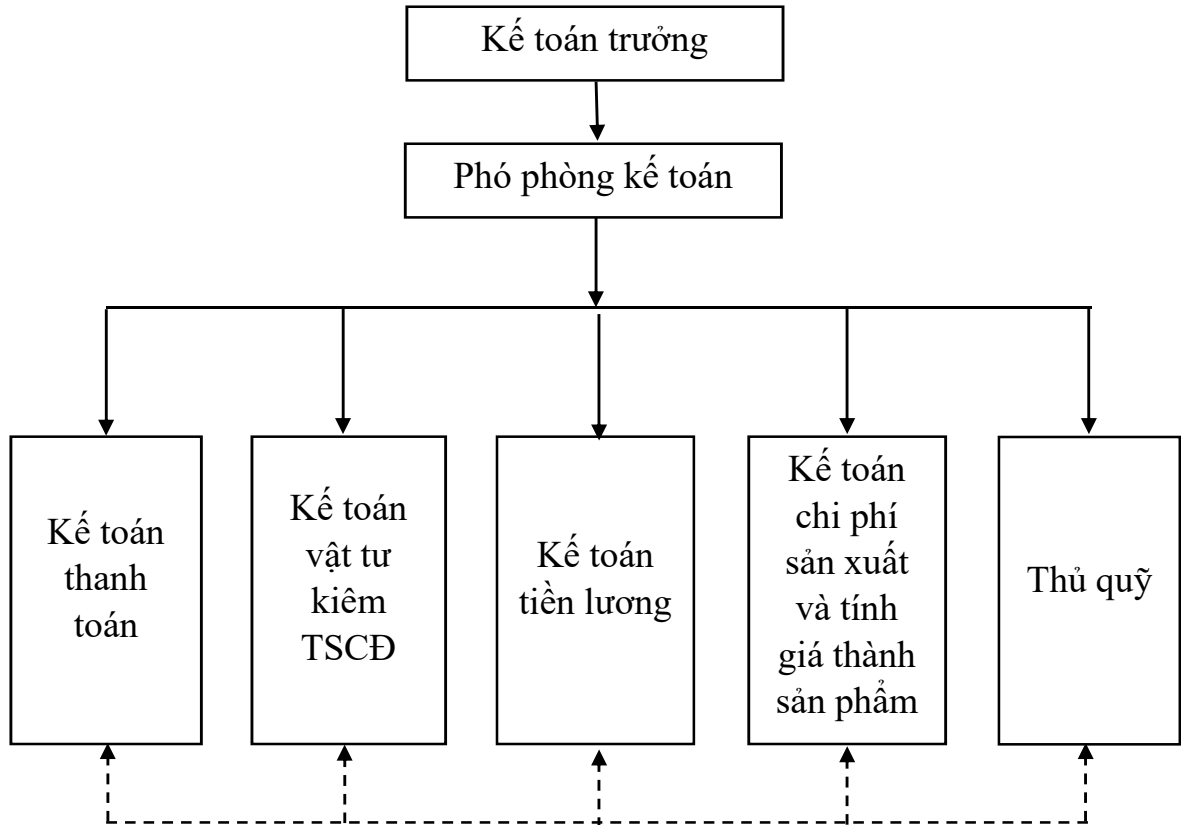
Tổ may: sản xuất theo dây chuyền để hoàn thành sản phẩm từ công đoạn thêu, sau đó chuyển đến giặt là hoàn chỉnh.

Tổ đóng gói: thực hiện đóng gói, bao kiện sản phẩm.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng được tổ chức theo hình thức tập trung, phù hợp với trình độ của kế toán viên và yêu cầu quản lý của DN, đảm bảo tuân thủ đúng chuẩn mực hạch toán kế toán hiện hành theo quy định của pháp luật. Giữa các phần hành kế toán đều có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, so sánh đối chiếu để đảm bảo các thông tin được phản ánh, ghi chép kịp thời, chính xác.

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Ghi chú:

—————> Quan hệ chỉ đạo

-----> Quan hệ hỗ trợ

❖ **Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các bộ phận kế toán như sau**

Kế toán trưởng: là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nhiệm vụ phụ trách chung, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán ở công ty, là người trực tiếp tham mưu và trợ lý cho giám đốc trong việc quyết định các phương án kinh doanh, đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan cấp trên và pháp luật về vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, công tác kế toán của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Phó phòng kế toán (kiêm kế toán tổng hợp): có nhiệm vụ giúp kế toán trưởng trong công tác kế toán; tập hợp các số liệu tài chính phát sinh, ghi chép vào sổ sách kế toán có liên quan; chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán tài chính, quyết toán thuế, lưu trữ, bảo quản chứng từ; tham mưu cho kế toán trưởng về tình hình tài chính của công ty.

Kế toán thanh toán: là người có nhiệm vụ theo dõi các khoản nợ phải trả và các khoản thanh toán, các khoản phải trả, phải nộp; phản ánh kịp thời tình hình thu, chi quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty.

Kế toán vật tư kiêm TSCĐ: theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của NVL, công cụ dụng cụ. Căn cứ vào phiếu nhập kho (PNK) và phiếu xuất kho (PXK), kiểm tra tính chính xác (số lượng theo yêu cầu thực xuất và thực nhập, đã đầy đủ chữ ký hay chưa...) để hạch toán và ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp. Theo dõi mọi sự biến động của TSCĐ tại doanh nghiệp, tình hình trích khấu hao và phân bổ khấu hao vào quá trình sản xuất kinh doanh, báo cáo thống kê định kỳ. Ngoài ra, còn phải phối hợp cùng phòng kế hoạch giải quyết các công việc liên quan đến công tác quản lý TSCĐ.

Kế toán tiền lương: tính tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và thanh toán, chi các khoản ốm đau, thai sản cho nhân viên trong DN.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: có nhiệm vụ tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh để tính giá thành cho từng loại sản phẩm. Đồng thời, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn thành phẩm, hạch toán doanh thu của toàn công ty và lập báo cáo với cấp trên.

Thủ quỹ: mở sổ quỹ tiền mặt; theo dõi thu, chi, bảo quản tiền mặt; thường xuyên đối chiếu với kế toán thanh toán; chịu trách nhiệm giải trình về trường hợp thừa, thiếu quỹ tiền mặt.

2.1.6. Chế độ kế toán áp dụng trong công ty

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Vì vậy, công tác kế toán trong DN được thực hiện theo Chế độ kế toán DN hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

- Chế độ kế toán: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán: kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào

ngày 31/12 năm dương lịch).

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: DN ghi sổ và lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: trị giá HTK được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: DN áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo PP khấu trừ.

- Hình thức ghi sổ kế toán: sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

- Hệ thống tài khoản: Hệ thống TK kế toán được lựa chọn để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của DN trên cơ sở hệ thống danh mục TK kế toán DN ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hệ thống chứng từ kế toán áp dụng theo danh mục chứng từ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chứng từ được ban hành theo các văn bản pháp luật khác.

2.2. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

2.2.1. Đặc điểm, phân loại và công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng là một trong những công ty hàng đầu trong ngành thêu ren tại Việt Nam. Sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại sản phẩm như: ga gối, khăn phủ giường, khăn trải bàn, khăn tắm,... Do đặc điểm sản phẩm của công ty đa dạng, phong phú về chủng loại, kích cỡ nên công ty phải sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau với nhiều chủng loại, quy cách, màu sắc khác nhau. Ví dụ như các loại vải, các loại chỉ,

kim, cúc,... để sản xuất các loại sản phẩm. Với từng dòng sản phẩm khác nhau và tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng sẽ cần những nguyên liệu phù hợp.

Đặc điểm NVL của ngành thêu ren nói chung và Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng nói riêng không gây khó khăn cho việc bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản nhưng nếu việc vận chuyển và bảo quản không tốt cũng gây ảnh hưởng đến chất lượng nguyên vật liệu, NVL không đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty. Vì thế, công ty cần có các biện pháp quản lý, vận chuyển và dự trữ phù hợp với từng loại NVL, tránh hư hỏng, mất mát làm ảnh hưởng tới quá trình sản xuất của công ty. Ví dụ như vải, chỉ khi vận chuyển và bảo quản cần đảm bảo độ ẩm phù hợp và tránh để lâu, nếu không rất dễ bị mốc, ố, bục,... không đảm bảo yêu cầu chất lượng cho công tác SXSP.

Từ những đặc trưng và đặc điểm trên cho thấy việc quản lý NVL có những nét riêng biệt và khó hạ thấp chi phí NVL. Việc sử dụng tiết kiệm trong sản xuất là biện pháp tích cực nhằm hạ thấp giá thành góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả sản xuất. Vì vậy, cần phải quản lý chặt chẽ và hạch toán chi tiết chi phí NVL ở tất cả các khâu thu mua, sử dụng, bảo quản, dự trữ và vận chuyển các vật liệu đặc biệt là đối với các NVL chính.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu

NVL trong công ty bao gồm nhiều chủng loại khác nhau. Chúng khác nhau về công dụng, tính năng lý hóa, quy cách, phẩm cấp, chất lượng. Hơn nữa, NVL lại là tài sản thường xuyên biến động. Do đó, để phục vụ tốt cho việc quản lý và hạch toán NVL của công ty cần thiết phải tiến hành phân loại NVL.

Căn cứ vào vai trò và công dụng của NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, toàn bộ NVL được phân ra thành các loại như sau:

- Vật liệu chính: là đối tượng lao động chủ yếu của công ty và là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm bao gồm các loại vải, chỉ. Như là vải lanh, vải phin, vải cotton (100%, 60%,...), vải sa tanh, vải thô, vải lụa, vải đũi, vải ren, vải kaki, vải chéo, vải may kẻ,...

- Vật liệu phụ: nguyên vật liệu phụ chỉ là những vật liệu có tác dụng phụ phục vụ trong quá trình sản xuất tạo nên sản phẩm của công ty. Tuy không phải là cơ sở vật chất chủ yếu cấu thành nên sản phẩm, nhưng khi được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính nó có tác dụng làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý. Ví dụ như: giấy gói hàng, nẹp sắt, móc, phân may, kim,...

- Nhiên liệu: là những loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra liên hoàn. Gồm có: dầu máy khô, dầu Diezen,...

- Nguyên vật liệu khác: vải thừa, bút bi, bút chì, mực, giấy các loại,... được tận dụng để trang trí thêm cho sản phẩm.

2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu

Việc quản lý, sử dụng NVL hợp lý và tiết kiệm đóng vai trò vô cùng quan trọng. Nó đảm bảo việc dùng NVL đúng mục đích, đúng số lượng, chất lượng giúp hạn chế được những hao hụt và lãng phí quá mức, từ đó làm giảm chi phí NVL, góp phần nâng cao hiệu quả dùng vốn lưu động. Nhận thấy tầm quan trọng của NVL đối với quá trình sản xuất nên DN đã chú trọng đến tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ và bảo quản đến khâu sử dụng.

Trong khâu thu mua: do công ty phải thường xuyên tiến hành thu mua NVL để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất sản phẩm và các nhu cầu khác của DN. Vì vậy, trong khâu thu mua phải quản lý chặt chẽ về khối lượng, quy cách, chủng loại và giá cả hơn nữa là phải cung cấp kịp thời cho hoạt động sản xuất, tránh tình trạng thiếu NVL gây gián đoạn hoạt động của DN. Công ty luôn tìm kiếm các nhà cung cấp cả trong và ngoài nước để mua được nguồn vật liệu với giá cả phải chăng mà vẫn đảm bảo được chất lượng. Chủ yếu các loại vật liệu của công ty đều được mua từ các nhà cung cấp trong nước. Với phương thức thu mua này thì giá thành NVL thường thấp hơn so với việc nhập khẩu, khâu vận chuyển cũng dễ dàng hơn và không phải thông qua các thủ tục hải quan, giúp rút ngắn thời gian trong khâu thu mua.

Trong khâu dự trữ và bảo quản: để quá trình sản xuất được liên tục phải dự trữ NVL đầy đủ nhưng cũng không được dự trữ quá lượng cần thiết gây ứ đọng vốn, tốn diện tích. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ chế độ bảo quản theo các tính chất lý, hoá của từng loại vật liệu để giảm thiểu tình trạng NVL bị hư hỏng, mất mát, giảm chất lượng. Hiện nay, hệ thống kho của công ty đã được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, đảm bảo độ thông thoáng, tránh tình trạng ẩm gây nên mốc, gỉ sét, ô vôi... Hơn nữa, hầu hết các NVL của công ty đều được lưu chuyên qua kho sau đó mới tới các phân xưởng, tổ sản xuất; chỉ có một phần ít là được đưa thẳng vào sử dụng, sản xuất mà không qua kho. Chính vì vậy công tác quản lý, bảo quản vật liệu tại kho là rất quan trọng. Các cán bộ, nhân viên trong công ty đảm nhận trách nhiệm này phải chú ý theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu về số lượng trên thực tế. Đảm bảo phát hiện kịp thời và giảm thiểu tình trạng hư hỏng, mất mát NVL trong công ty.

Trong khâu sử dụng: DN cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá NVL trong giá thành của thành phẩm. Vì thế, trong quá trình sử dụng phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng NVL trong sản xuất kinh doanh để đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

❖ Chức năng và nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận đối công tác quản lý nguyên vật liệu

- Phòng kỹ thuật với công tác xây dựng định mức tiêu dùng NVL:

Định mức tiêu dùng NVL có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình sử dụng và quản lý NVL. Do đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất nhiều loại hàng hóa, nhiều chủng loại sản phẩm với kích cỡ khác nhau chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu, ngoài ra còn nhận sản xuất cho các đơn vị trong nước và phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa. Do vậy, hệ thống định mức NVL của công ty đã được xây dựng và đưa vào sử dụng với nhiều loại định mức khác nhau phù hợp với đặc điểm, quy cách, phẩm chất của từng loại NVL góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho công ty. Ngoài ra, công ty cũng không ngừng phấn đấu giảm lượng NVL tiêu hao trên cơ sở vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đã

quy định.

- Phòng SXKD – xuất nhập khẩu với công tác thu mua nguyên vật liệu:

Phòng sản xuất kinh doanh – xuất nhập khẩu của công ty chịu trách nhiệm mua vật tư đầu vào, chủ động tìm kiếm thị trường, bạn hàng, nguồn hàng, ký kết các hợp đồng và giải quyết các vấn đề liên quan đến XNK. Để thực hiện nhiệm vụ thu mua NVL, phòng sản xuất kinh doanh – xuất nhập khẩu của công ty đã lập một tổ cung ứng để thực hiện công tác thu mua NVL. Với nhiệm vụ của mình, tổ cung ứng thường bao gồm các công việc sau:

- + Từ các đơn đặt hàng, hợp đồng công ty ký kết, tổ chức tiến hành xác định các NVL cần dùng, tính toán số lượng NVL cần sử dụng.

- + Sau khi xác định các loại NVL, số lượng cũng như yêu cầu về chất lượng vật liệu, tổ cung ứng tiến hành tìm nhà cung cấp phù hợp với nhu cầu của công ty.

- + Thực hiện các giao dịch, thương lượng về giá cả, số lượng vật liệu cần cung ứng và thời gian, phương thức giao hàng.

- + Đặc biệt, để đảm bảo vật liệu đầu vào đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, trong quá trình thu mua, bộ phận cung ứng đặc biệt chú ý theo dõi và kiểm tra chất lượng vật tư mua vào. Do vậy, hầu hết các loại vật liệu trước khi nhập kho đều phải thông qua một ban kiểm nghiệm vật tư, hay trước khi giao nhận đều được kiểm nghiệm chất lượng trước.

- Bộ phận kho với công tác bảo quản và kiểm tra nguyên vật liệu:

Tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng, kho là nơi chứa đựng, bảo quản tất cả NVL của công ty. Thực hiện tốt công tác quản lý tại kho sẽ giúp công ty giảm thiểu tình trạng hao hụt, hư hỏng và mất mát NVL đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chức năng và nhiệm vụ đặt ra của bộ phận kho là:

- + Chịu trách nhiệm về toàn bộ số vật liệu, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, tài sản cố định, thành phẩm và hàng hoá do mình quản lý trong kho.

- + Theo dõi tình hình nhập, xuất kho vật liệu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

+ Cùng với bộ phận Kế toán kiểm kê kho định kỳ, đối chiếu số lượng giữa thủ kho và kế toán vật tư.

- Các tổ sản xuất và phòng ban với việc sử dụng nguyên vật liệu:

Tại các tổ sản xuất và các phòng ban của công ty, hàng tháng theo kế hoạch sản xuất hay khi có nhu cầu sử dụng NVL, các bộ phận cần lập giấy đề nghị xuất vật tư. Nếu giấy đề nghị này được kế toán trưởng hoặc giám đốc ký duyệt sẽ trở thành một chứng từ mệnh lệnh để lập P XK. Dựa trên giấy đề nghị xuất vật tư đã được duyệt, bộ phận cung ứng lập P XK và ghi số lượng yêu cầu. Thủ kho căn cứ vào P XK tiến hành xuất vật liệu. Sau khi nhận vật liệu về sử dụng tại mỗi phòng ban hay đặc biệt là tại các tổ sản xuất thì NVL sử dụng đều được giám sát chặt chẽ, tránh tình trạng mất mát trong sản xuất và đảm bảo quá trình sử dụng NVL được tiết kiệm.

Từ quy trình sử dụng NVL như trên có thể thấy công tác quản lý NVL trong quá trình sử dụng tại các tổ sản xuất, các phòng ban của công ty là khá công ty chặt chẽ. Việc này giúp đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

2.2.2.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu tại công ty được thu mua ở cả thị trường trong nước và nước ngoài. Giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các loại thuế} & & \text{Các khoản} \\ \text{tế nhập} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & + & \text{không được} & - & \text{giảm giá} \\ \text{kho} & & \text{hóa đơn} & & & & \text{hoàn lại} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua ghi trên hóa đơn: công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua đây là giá chưa có thuế GTGT.

+ Chi phí thu mua: bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thu mua NVL như chi phí vận chuyển, bốc dỡ,...

+ Các loại thuế không được hoàn lại: với các loại NVL phải nhập khẩu phục vụ cho sản xuất công ty phải chịu thêm khoản thuế nhập khẩu.

+ Các khoản giảm giá: như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Khi mua NVL với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại hoặc do NVL của nhà cung cấp không đạt đúng tiêu chuẩn chất lượng như đã thỏa thuận, công ty được giảm giá thì những khoản này đều được giảm trừ vào giá trị NVL đầu vào.

Ví dụ: Theo hoá đơn GTGT số 844 ngày 08/10/2022, công ty mua 2.000 mét vải cotton của Công ty TNHH Nguyễn Gia Tex, giá mua chưa thuế GTGT là 35.000 đồng/mét, thuế suất thuế GTGT là 8%, chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng.

Giá mua chưa có thuế GTGT = 2.000 x 35.000 = 70.000.000 đồng

Chi phí vận chuyển = 1.000.000 đồng

➤ Giá thực tế nhập kho = 70.000.000 + 1.000.000 = 71.000.000 đồng

2.2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng xuất kho chủ yếu để phục vụ cho sản xuất và được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Cụ thể là giá bình quân trong một tháng. Khi xuất kho NVL trong P XK chưa có đơn giá xuất. Cuối tháng, khi đã nhập hết số lượng NVL xuất vào phần mềm máy tính mới có đơn giá xuất kho cho cả kỳ.

Ví dụ: Ngày 10/10/2022, công ty xuất cho tổ may 1.500 mét vải cotton để phục vụ sản xuất. Tồn đầu kỳ là 200 mét, trị giá tồn đầu kỳ là 8.000.000 đồng.

Đơn giá bình quân vải cotton:

$$\frac{8.000.000 + 2.000 \times 35.000 + 1.000.000 + 500 \times 45.000}{200 + 2.000 + 500} = 37.593 \text{ đồng/mét}$$

Giá trị vải cotton xuất dùng = 1.500 x 37.593 = 56.389.500 đồng

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

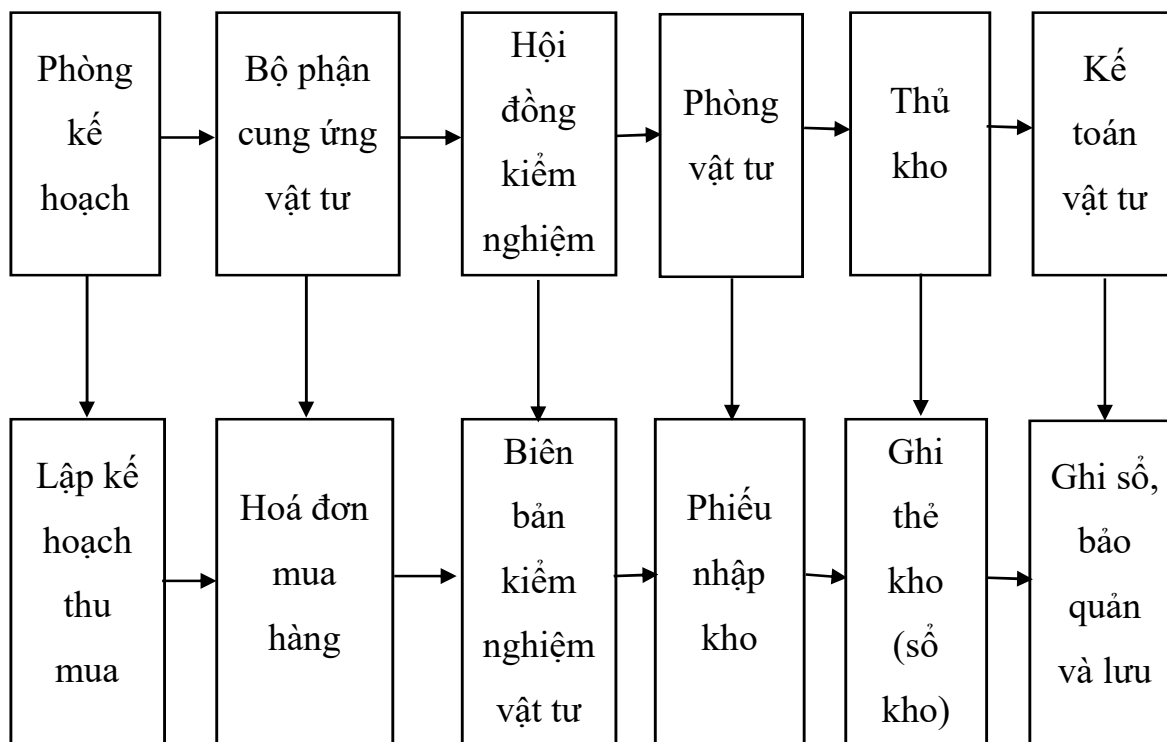
2.2.3.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

❖ Nhập kho NVL

Các chứng từ sử dụng để hạch toán tăng NVL tại công ty bao gồm:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03 - VT)

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Căn cứ kế hoạch xây dựng hàng tháng, phòng kế hoạch có nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất. Bộ phận cung ứng vật tư dựa trên kế hoạch sản xuất, tình hình tồn kho và tiêu thụ sản phẩm của công ty từ đó để tính ra số NVL cần mua và lựa chọn nhà cung cấp vật liệu. Sau đó, cử cán bộ vật tư đi mua NVL và vận chuyển về công ty kèm theo hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Khi NVL về đến DN sẽ được kiểm nghiệm chặt chẽ để xác định số lượng, chất lượng, chủng loại. Công tác kiểm nghiệm được tiến hành bởi một ban chuyên trách gồm trưởng phòng (TP) kế hoạch vật tư, thủ kho và nhân viên kỹ thuật. Cơ sở để kiểm nhận là hóa đơn của người cung cấp và hợp đồng mua hàng (trường hợp chưa có hóa đơn phải căn cứ vào hợp đồng mua hàng và PXX của bên giao hàng để kiểm nhận). Trong quá trình kiểm nhận, nếu phát hiện thiếu, thừa vật liệu hoặc vật liệu bị sai quy cách, kém phẩm chất

thì phải lập biên bản xác định rõ nguyên nhân. Nếu nguyên nhân là từ phía nhà cung cấp, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp giảm giá hoặc từ chối không nhận số vật liệu đó.

Sau khi kiểm nhận, các thành viên trong ban kiểm nhận phải lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư”. Biên bản kiểm nghiệm vật tư lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận cung ứng, 1 bản giao cho phòng kế toán (trường hợp vật tư không đúng quy cách sẽ lập thêm 1 bản gửi cho đơn vị bán vật tư). Vật tư đủ tiêu chuẩn sẽ được nhập kho.

Sau đó, cán bộ cung ứng lập phiếu nhập kho. PNK được lập thành hai liên (đối với vật tư, hàng hoá mua ngoài) hoặc ba liên (đối với vật tư tự sản xuất). Sau khi lập phiếu xong, người lập ký phiếu rồi chuyển cho người phụ trách hoặc thủ trưởng đơn vị ký. Người giao hàng ký vào PNK. Sau đó thủ kho nhập NVL, ghi thẻ kho rồi chuyển lên cho kế toán vật tư ghi sổ kế toán vật tư, bảo quản và lưu.

Trích dẫn 1: Ngày 08/10/2022, công ty mua của Công ty TNHH Nguyễn Gia Tex 2.000 mét vải cotton với đơn giá 35.000 đồng/mét, thuế GTGT là 8%. DN đã thanh toán bằng chuyển khoản, số vật tư đã được kiểm nghiệm đầy đủ và về nhập kho VT01 theo PNK 42 ngày 08/10/2022. Chi phí vận chuyển do công ty trả theo phiếu chi số 64 cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thuận Yên là 1.000.000 đồng, thuế GTGT 8%.

Biểu 2.1: Giấy đề nghị mua vật liệu

CÔNG TY TNHH XNK NGUYỄN HOÀNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT LIỆU

Ngày 05 tháng 10 năm 2022

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thức
- Bộ phận công tác: Phòng kế hoạch vật tư
- Lý do: Phục vụ bộ phận sản xuất

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Vải cotton	Mét	2.000	

Kính mong lãnh đạo xem xét duyệt!

Người lập
(*đã ký*)

Trưởng phòng kế hoạch vật tư
(*đã ký*)

Giám đốc
(*đã ký*)

➤ Quy trình lập và luân chuyển phiếu nhập kho của trích dẫn 1

Ngày 08/10/2022, khi vật tư về đến kho của DN, trước khi đưa vào nhập kho số vật tư này phải được kiểm nghiệm căn cứ vào hóa đơn GTGT và hợp đồng ký kết về số lượng, chất lượng,... Ban kiểm nghiệm tiến hành kiểm nghiệm để lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Biểu 2.4: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 108

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng				Mẫu số 03 - VT				
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình				(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM								
VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ								
Ngày 08 tháng 10 năm 2022						Số: 108		
Căn cứ: Hoá đơn GTGT số 00000844 ngày 08 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH Nguyễn Gia Tex								
Ban kiểm nghiệm gồm:								
+ Ông Đỗ Chung Nhân		Chức vụ: TP kế hoạch vật tư		Trưởng ban				
+ Ông Ngô Thế Huân		Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật		Ủy viên				
+ Bà Trần Yên Nhi		Chức vụ: Thủ kho		Ủy viên				
Đã kiểm nghiệm các loại:								
ST T	Tên vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
1	Vải cotton	VC100		mét	2.000	2.000	0	
Kết quả kiểm nghiệm: Vật tư đúng quy cách, phẩm chất, được nhập kho.								
Đại diện kỹ thuật (<i>đã ký</i>)			Thủ kho (<i>đã ký</i>)			Trưởng ban (<i>đã ký</i>)		

Số vật tư sau khi kiểm nghiệm sẽ được làm thủ tục nhập kho dựa trên hóa đơn mua hàng, hợp đồng kinh tế và biên bản kiểm nghiệm. Cán bộ cung ứng vật tư lập phiếu nhập kho.

Sau khi lập phiếu xong, người lập phiếu ký xác nhận. Sau đó, người giao vật tư cầm phiếu xuống kho giao cho thủ kho để nhập vật tư. Thủ kho nhập kho, ghi vào cột số lượng thực nhập, ngày tháng nhập và cùng người giao hàng ký vào PNK. Phiếu nhập kho được lập thành ba liên:

- Liên 1: Lưu tại quyền gốc.
- Liên 2: Giao cho thủ kho nhập kho ghi thẻ rồi chuyển cho kế toán vật tư.
- Liên 3: Giao cho người giao hàng.

Biểu 2.5: Phiếu nhập kho số 42

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng		Mẫu số 01 - VT					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)					
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 08 tháng 10 năm 2022		Nợ: 152					
Số: 42		Có: 112					
<ul style="list-style-type: none">- Họ và tên người giao: Nguyễn Thiên Long- Theo hoá đơn GTGT số 00000844 ngày 08 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH Nguyễn Gia Tex- Nhập tại kho: VT01							
STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Vải cotton	VC100	mét	2.000	2.000	35.000	70.000.000
Cộng							70.000.000
<ul style="list-style-type: none">- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi triệu đồng chẵn./.- Số chứng từ gốc kèm theo: 04				Ngày 08 tháng 10 năm 2022			
Người lập phiếu (<i>đã ký</i>)		Người giao hàng (<i>đã ký</i>)		Thủ kho (<i>đã ký</i>)		Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (<i>đã ký</i>)	

Trích dẫn 2: Ngày 18/10/2022, để phục vụ nhu cầu SXSP, theo giấy đề nghị mua vật tư do ông Hoàng Văn Mạnh lập. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng đã nhập một số loại chỉ tại Công ty TNHH Chỉ may Tuấn



Hồng, mỗi loại 350 cuộn. Thuế GTGT 8%, tổng số tiền thanh toán là 22.302.000 đồng. Công ty chưa thanh toán. Số NVL này do Công ty TNHH chỉ may Tuấn Hồng chịu trách nhiệm vận chuyển đến theo thoả thuận giữa hai bên, vì vậy giá nhập kho NVL cũng chính là giá mua ghi trên hoá đơn.

Biểu 2.6: Giấy đề nghị mua vật liệu

<p>CÔNG TY TNHH XNK NGUYỄN HOÀNG PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</p>						
<p>GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT LIỆU</p> <p>Ngày 18 tháng 10 năm 2022</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Hoàng Văn Mạnh - Bộ phận công tác: Phòng kế hoạch vật tư - Lý do: Phục vụ bộ phận sản xuất 							
STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú			
1	Chỉ M10 trắng	Cuộn	350				
2	Chỉ M10 đen	Cuộn	350				
3	Chỉ T20 vàng	Cuộn	350				
4	Chỉ T20 hồng sen	Cuộn	350				
<p>Kính mong lãnh đạo xem xét duyệt!</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center; vertical-align: top;"> <p>Người lập <i>(đã ký)</i></p> </td> <td style="width: 33%; text-align: center; vertical-align: top;"> <p>Trưởng phòng kế hoạch vật tư <i>(đã ký)</i></p> </td> <td style="width: 33%; text-align: center; vertical-align: top;"> <p>Giám đốc <i>(đã ký)</i></p> </td> </tr> </table>					<p>Người lập <i>(đã ký)</i></p>	<p>Trưởng phòng kế hoạch vật tư <i>(đã ký)</i></p>	<p>Giám đốc <i>(đã ký)</i></p>
<p>Người lập <i>(đã ký)</i></p>	<p>Trưởng phòng kế hoạch vật tư <i>(đã ký)</i></p>	<p>Giám đốc <i>(đã ký)</i></p>					

Quy trình lập và luân chuyển chứng từ tương tự với trích dẫn 1.

Biểu 2.7: Hoá đơn GTGT số 855

	HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				
	Ngày 20 tháng 10 năm 2022			Ký hiệu: 1C22TVT	
Mã của cơ quan thuế:			Số: 855		
00HAE3698FB6E71NB22A9648AC54EBH					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Chỉ may Tuấn Hồng					
Mã số thuế: 0101578968					
Địa chỉ: Lô CNB1, Khu công nghiệp Quát Động, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội					
Điện thoại: 0xxxxxxxxx			Số tài khoản: xxxxxxxx		
Họ tên người mua hàng: Hoàng Văn Mạnh					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng					
Mã số thuế: 2700263128					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản			Số tài khoản: xxxxxxxx		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chỉ M10 trắng	Cuộn	350	14.500	5.075.000
2	Chỉ M10 đen	Cuộn	350	14.500	5.075.000
3	Chỉ T20 vàng	Cuộn	350	15.000	5.250.000
4	Chỉ T20 hồng sen	Cuộn	350	15.000	5.250.000
Cộng tiền hàng:					20.650.000
Thuế suất GTGT: 8 %			Tiền thuế GTGT:		1.652.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					22.302.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)			Người bán hàng (Ký, họ tên)		
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> Ký bởi: Công ty TNHH Chỉ may Tuấn Hồng Ký ngày: 08/10/2022  </div>					

Biểu 2.8: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 110

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu		Mẫu số 03 - VT				
Nguyễn Hoàng		(Ban hành theo Thông tư số				
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P.		133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016				
Nam Thành – TP. Ninh Bình		của Bộ Tài chính)				
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM						
VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ						
Ngày 20 tháng 10 năm 2022			Số: 110			
Căn cứ: Hoá đơn GTGT số 00000855 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH Chỉ may Tuấn Hồng						
Ban kiểm nghiệm gồm:						
+ Ông Đỗ Chung Nhân		Chức vụ: TP kế hoạch vật tư	Trưởng ban			
+ Ông Nguyễn Chung Đại		Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật	Ủy viên			
+ Bà Trần Yên Nhi		Chức vụ: Thủ kho	Ủy viên			
Đã kiểm nghiệm các loại:						
STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm	
					Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất
1	Chỉ M10 trắng	CM10T	Cuộn	350	350	0
2	Chỉ M10 đen	CM10Đ	Cuộn	350	350	0
3	Chỉ T20 vàng	CT20V	Cuộn	350	350	0
4	Chỉ T20 hồng sen	CT20HS	Cuộn	350	350	0
Kết quả kiểm nghiệm: Vật tư đúng quy cách, phẩm chất, được nhập kho.						
Đại diện kỹ thuật			Thủ kho		Trưởng ban	
<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>		<i>(đã ký)</i>	

Biểu 2.9: Phiếu nhập kho số 48

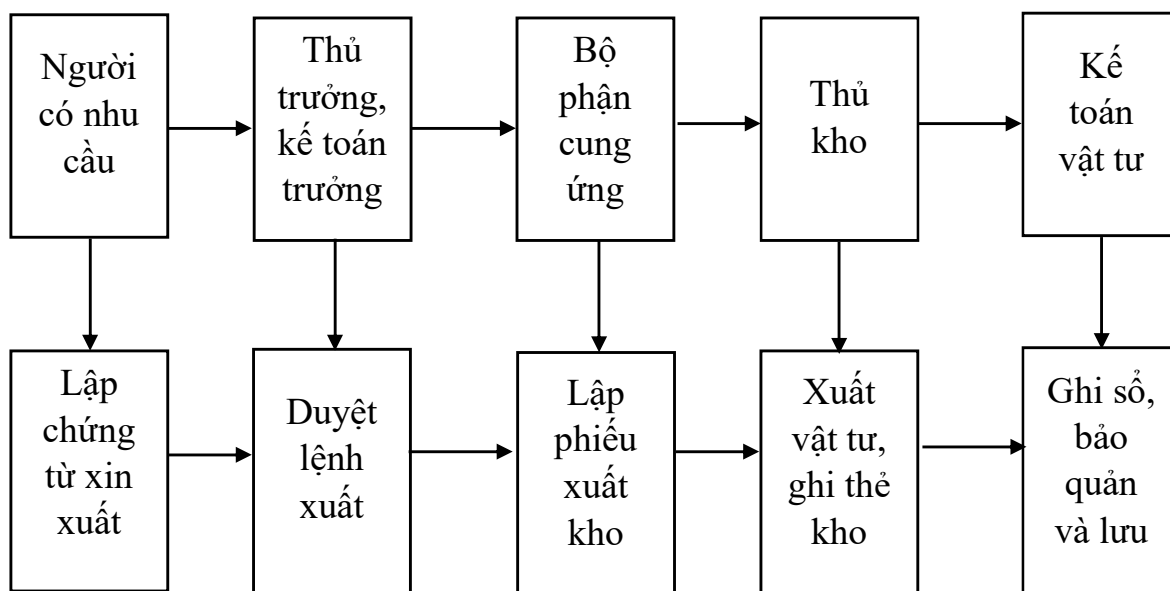
Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng			Mẫu số 01 - VT				
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình			(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 20 tháng 10 năm 2022				Nợ: 152			
Số: 48				Có: 331			
<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên người giao: Nguyễn Huy Tuấn - Theo hoá đơn GTGT số 00000855 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH Chỉ may Tuấn Hồng - Nhập tại kho: VT01 							
TT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Chỉ M10 trắng	CM10T	Cuộn	350	350	14.500	5.075.000
2	Chỉ M10 đen	CM10Đ	Cuộn	350	350	14.500	5.075.000
3	Chỉ T20 vàng	CT20V	Cuộn	350	350	15.000	5.250.000
4	Chỉ T20 hồng sen	CT20HS	Cuộn	350	350	15.000	5.250.000
Cộng							20.650.000
<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./. - Số chứng từ gốc kèm theo: 04 							
Người lập phiếu (<i>đã ký</i>)		Người giao hàng (<i>đã ký</i>)		Thủ kho (<i>đã ký</i>)		Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (<i>đã ký</i>)	
Ngày 20 tháng 10 năm 2022							

❖ **Xuất kho NVL**

Chứng từ sử dụng trong kế toán giảm NVL tại công ty bao gồm:

- Giấy đề nghị xuất vật tư.
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT).

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Tại công ty, khi có nhu cầu về vật liệu, bộ phận sử dụng lập giấy đề nghị xuất vật tư. Giấy đề nghị xuất vật tư được lập trên cơ sở kế hoạch SXKD và nhu cầu sản xuất của từng bộ phận. Nếu giấy đề nghị này được kế toán trưởng hoặc giám đốc ký duyệt thì sẽ trở thành một chứng từ mệnh lệnh để lập phiếu xuất kho.

Dựa trên giấy đề nghị xuất vật tư đã được duyệt, bộ phận cung ứng lập phiếu xuất kho và ghi số lượng yêu cầu. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho xuất vật tư và ghi số lượng thực xuất vào phiếu. Phiếu xuất kho ở công ty được lập thành ba liên:

- Liên 1: lưu tại quyền gốc.
- Liên 2: thủ kho giữ để ghi thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán vật tư.
- Liên 3: người nhận vật tư giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Trích dẫn 3: Ngày 10/10/2022, tại tổ may 1 phát sinh nhu cầu sử dụng vải cotton phục vụ cho sản xuất đơn hàng EX8412.

Trưởng tổ may 1 lập giấy đề nghị xuất vật tư theo mẫu sau:

Biểu 2.10: Giấy đề nghị xuất vật tư

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng			
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình			
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ			
Kính gửi: Phòng kế hoạch vật tư			
Tên tôi là: Nguyễn Thu Hà – tổ trưởng tổ may 1			
Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu hiện nay của bộ phận, đề nghị công ty cấp cho tổ may 1 loại vật liệu sau:			
STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vải cotton	Mét	1.500
Đề nghị công ty cấp cho bộ phận chúng tôi đầy đủ và kịp thời để việc sản xuất được tiến hành đúng với kế hoạch đề ra.			
Người đề nghị (đã ký)		Ngày 10 tháng 10 năm 2022 Giám đốc (đã ký)	

NVL của công ty xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Như vậy, đơn giá bình quân vải cotton:

$$\frac{8.000.000 + 2.000 \times 35.000 + 1.000.000 + 500 \times 45.000}{200 + 2.000 + 500} = 37.593 \text{ đồng/mét}$$

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho 46

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu			Mẫu số 02 - VT				
Nguyễn Hoàng			(Ban hành theo Thông tư số				
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P.			133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của				
Nam Thành – TP. Ninh Bình			Bộ Tài chính)				
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 10 tháng 10 năm 2022				Nợ: 154			
Số: 46				Có: 152			
- Họ và tên người nhận: Nguyễn Thu Hà			Bộ phận: Tổ may 1				
- Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất đơn hàng EX8412							
- Xuất tại kho: VT01							
STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Vải cotton	VC100	Mét	1.500	1.500	37.593	56.389.500
Cộng							56.389.500
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng chẵn./.							
Số chứng từ gốc kèm theo: 01							
Ngày 10 tháng 10 năm 2022							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)	<i>(đã ký)</i>			
				<i>(đã ký)</i>			

Trích dẫn 4: Ngày 22/10/2022, tại tổ may 2 có nhu cầu sử dụng chỉ may để phục vụ nhu cầu sản xuất đơn hàng EXL1485.

Quy trình xuất kho tương tự trích dẫn 3.

Biểu 2.12: Giấy đề nghị xuất vật tư

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng			
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình			
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ			
Kính gửi: Phòng kế hoạch vật tư			
Tên tôi là: Vũ Thị Thu – tổ trưởng tổ may 2			
Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu hiện nay của bộ phận, đề nghị công ty cấp cho tổ may 2 những loại vật liệu sau:			
STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chỉ M10 trắng	Cuộn	100
2	Chỉ M10 đen	Cuộn	100
3	Chỉ T20 hồng sen	Cuộn	50
Đề nghị công ty cấp cho bộ phận chúng tôi đầy đủ và kịp thời để việc sản xuất được tiến hành đúng với kế hoạch đề ra.			
Người đề nghị (<i>đã ký</i>)		Giám đốc (<i>đã ký</i>)	
Ngày 22 tháng 10 năm 2022			

Đơn giá bình quân chỉ M10 trắng:

$$\frac{800.000 + 350 \times 14.500 + 150 \times 15.000}{50 + 350 + 150} = 14.773 \text{ đồng/cuộn}$$

Đơn giá bình quân chỉ M10 đen:

$$\frac{800.000 + 350 \times 14.500 + 150 \times 15.000}{50 + 350 + 150} = 14.773 \text{ đồng/cuộn}$$

Đơn giá bình quân chỉ T20 hồng sen:

$$\frac{350 \times 15.000 + 50 \times 15.500}{350 + 50} = 15.063 \text{ đồng/cuộn}$$

Biểu 2.13: Phiếu xuất kho 54

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu		Mẫu số 02 - VT					
Nguyễn Hoàng		(Ban hành theo Thông tư số					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam		133/2016/TT-BTC ngày					
Thành – TP. Ninh Bình		26/8/2016 của Bộ Tài chính)					
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 22 tháng 10 năm 2022			Nợ: 154				
Số: 54			Có: 152				
- Họ và tên người nhận: Vũ Thị Thu		Bộ phận: Tổ may 2					
- Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất đơn hàng EXL1485							
- Xuất tại kho: VT01							
T T	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Chỉ M10 trắng	CM10T	Cuộn	100	100	14.773	1.477.300
2	Chỉ M10 đen	CM10Đ	Cuộn	100	100	14.773	1.477.300
3	Chỉ T20 hồng sen	CT20HS	Cuộn	50	50	15.063	753.150
Cộng							3.707.750
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu bảy trăm linh bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn./.							
Số chứng từ gốc kèm theo: 01							
Ngày 22 tháng 10 năm 2022							
Người lập	Người nhận	Thủ	Kế toán trưởng	Giám đốc			
phiếu	hàng	kho	(Hoặc bộ phận có	(đã ký)			
<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	nhu cầu nhập)				
			<i>(đã ký)</i>				

Trích dẫn 5: Ngày 25/10/2022, tại tổ thêu có nhu cầu xuất kho chỉ để phục vụ đơn hàng số E124.

Biểu 2.14: Giấy đề nghị xuất vật tư

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng			
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình			
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ			
Kính gửi: Phòng kế hoạch vật tư			
Tên tôi là: Hoàng Yến Nhi– tổ trưởng tổ thêu			
Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu hiện nay của bộ phận, đề nghị công ty cấp cho tổ thêu những loại vật liệu sau:			
STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chỉ T20 vàng	Cuộn	80
Đề nghị công ty cấp cho bộ phận chúng tôi đầy đủ và kịp thời để việc sản xuất được tiến hành đúng với kế hoạch đề ra.			
Người đề nghị (đã ký)		Ngày 25 tháng 10 năm 2022 Giám đốc (đã ký)	

Đơn giá bình quân chỉ T20 vàng:

$$\frac{350 \times 15.000 + 100 \times 16.500}{350 + 100} = 15.333 \text{ đồng/cuộn}$$

Biểu 2.15: Phiếu xuất kho 58

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng **Mẫu số 02 - VT**
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 10 năm 2022

Nợ: 154

Số: 58

Có: 152

- Họ và tên người nhận: Hoàng Yến Nhi Bộ phận: Tổ thu
- Lý do xuất kho: phục vụ sản xuất đơn hàng E124
- Xuất tại kho: VT01

ST T	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Chi T20 vàng	CT20V	Cuộn	80	80	15.333	1.226.640
Cộng							1.226.640

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn./.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 25 tháng 10 năm 2022

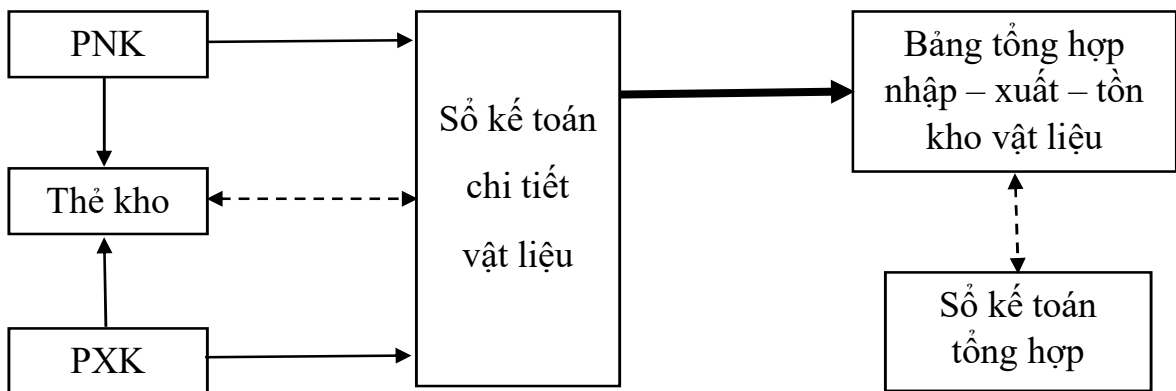
Người lập phiếu (đã ký)	Người nhận hàng (đã ký)	Thủ kho (đã ký)	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (đã ký)	Giám đốc (đã ký)
--	--	--------------------------------	--	-----------------------------

2.2.3.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Để đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng loại NVL, DN đã áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.

Phương pháp này giúp kế toán dễ dàng thực hiện các công việc kiểm tra, đối chiếu từ đó dễ dàng phát hiện các sai sót trong quá trình ghi chép, hạch toán, nhập dữ liệu. Bên cạnh đó, phương pháp này còn giúp giám sát chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu cả về số lượng và giá trị. Với phương pháp này, kế toán hạch toán chi tiết trên cơ sở PNK, P XK,... Trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

—————→ Ghi hàng ngày

—————→ Ghi cuối tháng

←-----→ Đối chiếu

❖ **Tại kho**

Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

Theo các nghiệp vụ nhập kho và xuất kho mục 2.2.3.1, căn cứ vào PNK, P XK, thủ kho ghi thẻ kho. Thẻ kho được mở chi tiết cho từng loại NVL để thuận tiện cho việc ghi chép, kiểm tra và đối chiếu với kế toán.

Biểu 2.16: Thẻ kho số 04

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu				Mẫu số S08 - DNN					
Nguyễn Hoàng				(Ban hành theo Thông tư số					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu –				133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của					
P. Nam Thành – TP. Ninh Bình				Bộ Tài chính)					
THẺ KHO									
Ngày lập thẻ: 01/10/2022									
Tờ số: 04									
Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Vải cotton									
Đơn vị tính: mét				Mã số: VC100					
STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				200	
1	8/10	NK42		Nhập kho	8/10	2.000		2.200	
2	10/10		XK46	Xuất tổ may 1	10/10		1.500	700	
3	18/10		XK50	Xuất tổ may 2	18/10		300	400	
								
				Cộng		2.500	2.600		
				Tồn cuối kỳ				100	
Ngày 31 tháng 10 năm 2022									
Thủ kho		Kế toán trưởng			Giám đốc				
(đã ký)		(đã ký)			(đã ký)				

Biểu 2.17: Thẻ kho số 06

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu				Mẫu số S08 - DNN					
Nguyễn Hoàng				(Ban hành theo Thông tư số					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P.				133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của					
Nam Thành – TP. Ninh Bình				Bộ Tài chính)					
THẺ KHO									
Ngày lập thẻ: 01/10/2022									
Tờ số: 06									
Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Chi M10 trắng									
Đơn vị tính: cuộn				Mã số: CM10T					
STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				50	
1	10/10		XK47	Xuất tổ may 1	10/10		50	0	
2	20/10	NK48		Nhập kho	20/10	350		350	
3	22/10		XK54	Xuất tổ may 2	22/10		100	250	
								
				Cộng		500	450		
				Tồn cuối kỳ				100	
Ngày 31 tháng 10 năm 2022									
Thủ kho		Kế toán trưởng			Giám đốc				
(đã ký)		(đã ký)			(đã ký)				

Biểu 2.18: Thẻ kho số 07

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu				Mẫu số S08 - DNN					
Nguyễn Hoàng				(Ban hành theo Thông tư số					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình				133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)					
THẺ KHO									
Ngày lập thẻ: 01/10/2022									
Tờ số: 07									
Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Chi M10 đen									
Đơn vị tính: cuộn				Mã số: CM10Đ					
STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				50	
1	10/10		XK47	Xuất tổ may 1	10/10		50	0	
2	20/10	NK48		Nhập kho	20/10	350		350	
3	22/10		XK54	Xuất tổ may 2	22/10		100	250	
								
				Cộng		500	450		
				Tồn cuối kỳ				100	
Ngày 31 tháng 10 năm 2021									
Thủ kho (<i>đã ký</i>)			Kế toán trưởng (<i>đã ký</i>)			Giám đốc (<i>đã ký</i>)			

Biểu 2.19: Thẻ kho số 08

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu				Mẫu số S08 - DNN					
Nguyễn Hoàng				(Ban hành theo Thông tư số					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P.				133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của					
Nam Thành – TP. Ninh Bình				Bộ Tài chính)					
THẺ KHO									
Ngày lập thẻ: 01/10/2022									
Tờ số: 08									
Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Chi T20 vàng									
Đơn vị tính: cuộn					Mã số: CT20V				
STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				0	
1	20/10	NK48		Nhập kho	20/10	350		350	
2	25/10		XK58	Xuất tổ thêu	25/10		50	300	
								
				Cộng		450	150		
				Tồn cuối kỳ				300	
Ngày 31 tháng 10 năm 2022									
Thủ kho			Kế toán trưởng			Giám đốc			
<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			

Biểu 2.20: Thẻ kho số 09

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu				Mẫu số S08 - DNN					
Nguyễn Hoàng				(Ban hành theo Thông tư số					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P.				133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của					
Nam Thành – TP. Ninh Bình				Bộ Tài chính)					
THẺ KHO									
Ngày lập thẻ: 01/10/2022									
Tờ số: 09									
Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Chi T20 hồng sen									
Đơn vị tính: cuộn				Mã số: CT20HS					
STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				0	
1	20/10	NK48		Nhập kho	20/10	350		350	
2	22/10		XK54	Xuất tổ may 2	22/10		50	300	
3	27/10		XK60	Xuất tổ thêu	27/10		100	200	
								
				Cộng		400	250		
				Tồn cuối kỳ				150	
Ngày 31 tháng 10 năm 2022									
Thủ kho			Kế toán trưởng			Giám đốc			
<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			

❖ *Tại phòng kế toán*

Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho gửi đến, kế toán vật tư phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của từng chứng từ. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất trên, kế toán tiến hành vào sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng loại vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập - xuất - tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Biểu 2.21: Sổ chi tiết vật liệu vải cotton

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng					Mẫu số S06 - DNN									
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của BTC)									
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU														
Tháng 10 Năm 2022														
Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Vải cotton					Tài khoản: 152									
Đơn vị tính: mét					Tên kho: VT01									
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn					
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền				
		Số dư đầu kỳ		40.000					200	8.000.000				
NK42	8/10	Nhập kho vải cotton (công ty Nguyễn Gia Tex)	112	35.000	2.000	70.000.000								
PC64	8/10	Chi phí vận chuyển vải cotton (công ty Thuận Yên)	111			1.000.000								
XK46	10/10	Xuất kho SXSP (tổ may 1)	154	37.593			1.500	56.389.500						
XK50	18/10	Xuất kho SXSP (tổ may 2)	154	37.593			300	11.277.900						
													
		Tổng			2.500	93.500.000	2.600	97.741.800	100	3.759.300				
Người ghi sổ					Kế toán trưởng					Ngày 31 tháng 10 năm 2022				
(đã ký)					(đã ký)					Giám đốc				
(đã ký)					(đã ký)					(đã ký)				

Biểu 2.22: Sổ chi tiết vật liệu chỉ M10 trắng

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng					Mẫu số S06 - DNN					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của BTC)					
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU										
Tháng 10 Năm 2022										
Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Chỉ M10 trắng					Tài khoản: 152					
Đơn vị tính: cuộn					Tên kho: VT01					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		16.000					50	800.000
XK47	10/10	Xuất kho SXSP (tổ may 1)	154	14.773			50	738.650		
NK48	20/10	Nhập kho chỉ M10 trắng (công ty Tuấn Hồng)	331	14.500	350	5.075.000				
XK54	22/10	Xuất kho SXSP (tổ may 2)	154	14.773			100	1.477.300		
									
		Tổng số phát sinh			500	7.325.000	450	6.647.850	100	1.477.300
					Ngày 31 tháng 10 năm 2022					
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc				
(đã ký)			(đã ký)			(đã ký)				

Biểu 2.23: Sổ chi tiết vật liệu chỉ M10 đen

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng					Mẫu số S06 - DNN					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của BTC)					
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU										
Tháng 10 Năm 2022										
Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Chỉ M10 đen					Tài khoản: 152					
Đơn vị tính: cuộn					Tên kho: VT01					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		16.000					50	800.000
XK47	10/10	Xuất kho SXSP (tổ may 1)	154	14.773			50	738.650		
NK48	20/10	Nhập kho chỉ M10 đen (công ty Tuấn Hồng)	331	14.500	350	5.075.000				
XK54	22/10	Xuất kho SXSP (tổ may 2)	154	14.773			100	1.477.300		
									
		Tổng số phát sinh			500	7.325.000	450	6.647.850	100	1.477.300
					Ngày 31 tháng 10 năm 2022					
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc				
<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>				

Biểu 2.24: Sổ chi tiết vật liệu chỉ T20 vàng

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng					Mẫu số S06 - DNN					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của BTC)					
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU										
Tháng 10 Năm 2022										
Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Chỉ T20 vàng					Tài khoản: 152					
Đơn vị tính: cuộn					Tên kho: VT01					
Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							0	0
NK48	20/5	Nhập kho chỉ T20 vàng (công ty Tuấn Hồng)	331	15.000	350	5.250.000				
XK58	25/5	Xuất kho SXSP (tổ may 1)	154	15.333			50	766.650		
									
		Tổng số phát sinh			450	6.900.000	150	2.299.950	300	4.599.900
Ngày 31 tháng 10 năm 2022										
Người ghi sổ (<i>đã ký</i>)			Kê toán trưởng (<i>đã ký</i>)			Giám đốc (<i>đã ký</i>)				

Biểu 2.25: Sổ chi tiết vật liệu chỉ T20 hồng sen

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng					Mẫu số S06 - DNN					
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của BTC)					
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU										
Tháng 10 Năm 2022										
Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Chỉ T20 hồng sen					Tài khoản: 152					
Đơn vị tính: cuộn					Tên kho: VT01					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							0	0
NK48	20/10	Nhập kho chỉ T20 hồng sen (công ty Tuấn Hồng)	331	15.000	350	5.250.000				
XK54	22/10	Xuất kho SXSP (tổ may 1)	154	15.063			50	753.150		
XK60	27/10	Xuất kho SXSP (tổ thêu)	154	15.063			100	1.506.300		
									
		Tổng số phát sinh			400	6.025.000	250	3.765.750	150	2.259.450
					Ngày 31 tháng 10 năm 2022					
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc				
<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>				

Biểu 2.26: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng									
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình									
BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN KHO VẬT LIỆU									
Tháng 10 Năm 2022									
Kho: VT01									
STT	Tên vật liệu	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Vải cotton	200	8.000.000	2.500	93.500.000	2.600	97.741.800	100	3.759.300
2	Chỉ M10 trắng	50	800.000	500	7.325.000	450	6.647.850	100	1.477.300
3	Chỉ M10 đen	50	800.000	500	7.325.000	450	6.647.850	100	1.477.300
4	Chỉ T20 vàng	0	0	450	6.900.000	150	2.299.950	300	4.599.900
5	Chỉ T20 hồng sen	0	0	400	6.025.000	250	3.765.750	150	2.259.450
								
	Tổng cộng		125.842.500		954.650.500		902.512.350		177.980.650
Ngày 31 tháng 10 năm 2022									
Người lập biểu			Kế toán trưởng			Giám đốc			
<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			<i>(đã ký)</i>			

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

2.2.4.1. Tài khoản sử dụng

Hiện nay, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. NVL nhập kho tại công ty chủ yếu là từ mua ngoài do bộ phận cung ứng tiến hành trên cơ sở thỏa thuận mua bán giữa nhà cung cấp và công ty. Hình thức thanh toán có thể là trả tiền trước, trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc trả chậm. Do đó, kế toán tổng hợp nhập NVL sử dụng các TK sau:

+ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

+ Ngoài ra, còn sử dụng những tài khoản như: TK 331 – Phải trả người bán, TK 141 – Tạm ứng, TK 111 – Tiền mặt, TK 112 – Tiền gửi ngân hàng,...

Định khoản một số trích dẫn cụ thể:

Trích dẫn 1: + Nợ TK 152: 70.000.000

Nợ TK 133: 5.600.000

Có TK 112: 75.600.000

+ Nợ TK 152: 1.000.000

Nợ TK 133: 80.000

Có TK 111: 1.080.000

Trích dẫn 2: Nợ TK 152: 20.650.000

Nợ TK 133: 1.652.000

Có TK 331: 22.302.000

Đối với các nghiệp vụ xuất kho NVL, nguyên vật liệu tại công ty được dùng cho SXSP và quản lý chung tại các bộ phận khác trong công ty. Tùy từng trường hợp và mục đích sử dụng mà kế toán tiến hành hạch toán, phân bổ đúng đối tượng sử dụng. Kế toán tổng hợp xuất NVL thường sử dụng các TK sau:

+ TK 152: Nguyên vật liệu

+ TK 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

+ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Định khoản một số trích dẫn cụ thể:

Trích dẫn 3: Nợ TK 154: 56.389.500

Có TK 152: 56.389.500

Trích dẫn 4: Nợ TK 154: 3.707.750

Có TK 152: 3.707.750

2.2.4.2. Quy trình và sổ kế toán tổng hợp

❖ **Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu**

Với mỗi hình thức kế toán khác nhau thì sổ kế toán tổng hợp NVL sử dụng cũng khác nhau. Do Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng áp dụng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ” nên các nghiệp vụ kế toán liên quan đến nhập vật liệu tại công ty sẽ được kế toán định khoản và vào các sổ sau:

+ Bảng kê nhập vật liệu

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được lập dựa vào số liệu tổng hợp từ bảng kê nhập vật liệu.

Sổ chi tiết thanh toán với người bán được mở để theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với các nhà cung cấp, mỗi nhà cung cấp được mở trên một hoặc nhiều trang sổ tùy thuộc vào số lượng nghiệp vụ phát sinh.

Với các hình thức thanh toán khác nhau của mỗi lần nhập vật liệu, tùy theo hình thức thanh toán mà dữ liệu sẽ được phản ánh vào các sổ chi tiết như: sổ chi tiết tiền mặt, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết tạm ứng,...

Để minh họa quy trình hạch toán tổng hợp nhập NVL tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng, em xin trích số liệu thực tế một số nghiệp vụ nhập NVL như sau:

Biểu 2.27: Bảng kê nhập vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình

BẢNG KÊ NHẬP VẬT LIỆU
 Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 20/10/2022

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ các TK		Ghi Có các TK		
Số hiệu	Ngày tháng		TK 152	TK133	TK 111	TK 112	TK 331
NK42	8/10	Nhập vải cotton (Nguyễn Gia Tex)	70.000.000	5.600.000		75.600.000	
PC64	8/10	Chi phí vận chuyển	1.000.000	80.000	1.080.000		
NK48	20/10	Nhập chỉ (Tuấn Hồng)	20.650.000	1.652.000			22.302.000
						
		Tổng cộng	508.000.000	40.400.000	69.550.000	256.200.000	222.650.000

Ngày 31 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu
(*Đã ký*)

Kế toán trưởng
(*Đã ký*)

Người đại diện theo pháp luật
(*Đã ký*)

Căn cứ vào kết quả tổng hợp trên bảng kê nhập vật liệu, ta có chứng từ ghi sổ sau:

Biểu 2.28: Chứng từ ghi sổ số 30

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng		Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình				
<p>CHỨNG TỪ GHI SỔ</p> <p>Số: 30</p> <p>Ngày 20 tháng 10 năm 2022</p>				
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua chỉ của Công ty Tuấn Hồng chưa thanh toán	152	331	20.650.000	
	133	331	1.652.000	
Tổng cộng			22.302.000	
Kèm theo 05 chứng từ gốc				
				Ngày 20 tháng 10 năm 2022
Người lập biểu <i>(Đã ký)</i>	Kế toán trưởng <i>(Đã ký)</i>			Giám đốc <i>(Đã ký)</i>

❖ ***Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu***

Tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng, nghiệp vụ xuất vật liệu diễn ra thường xuyên, NVL xuất kho chủ yếu là để SXSP, phục vụ công tác quản lý tại DN. Việc hạch toán chi phí là rất quan trọng, hơn nữa chi phí NVL tại công ty chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Do đó, kế toán tổng hợp xuất NVL cần phải phản ánh kịp thời, phân bổ chính xác đúng đối tượng sử dụng. Sau đó lập bảng kê xuất vật liệu, lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ Cái TK 152.

Biểu 2.29: Bảng kê xuất vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng				
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình				
BẢNG KÊ XUẤT VẬT LIỆU				
Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 25/10/2022				
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 154	Ghi Có TK 152
Số hiệu	Ngày tháng			
XK46	10/10	Xuất kho vải cotton cho sản xuất sản phẩm	56.389.500	56.389.500
XK54	22/10	Xuất chỉ M10 trắng, M10 đen và chỉ T20 hồng sen cho sản xuất sản phẩm	3.707.750	3.707.750
XK58	25/10	Xuất kho chỉ T20 vàng cho sản xuất sản phẩm	1.226.640	1.226.640
			
		Tổng cộng	420.480.350	420.480.350
Ngày 31 tháng 10 năm 2022				
Người lập biểu		Kế toán trưởng		Giám đốc
<i>(Đã ký)</i>		<i>(Đã ký)</i>		<i>(Đã ký)</i>

Căn cứ vào kết quả tổng hợp trên bảng kê xuất vật liệu, ta có chứng từ ghi sổ sau:

Biểu 2.30: Chứng từ ghi sổ số 34

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng		Mẫu số S02a-DNN		
		(Ban hành theo Thông tư số		
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình		133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số: 34				
Ngày 22 tháng 10 năm 2022				
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất chỉ M10 trắng, M10 đen và chỉ T20 hồng sen cho sản xuất sản phẩm	154	152	3.707.750	
Tổng cộng			3.707.750	
Kèm theo 02 chứng từ gốc				
Ngày 22 tháng 10 năm 2022				
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc		
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>		

Biểu 2.31: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng		Mẫu số S02b-DNN
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)
SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ		
Tháng 10 Năm 2022		
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
15	8/10	76.650.000
20	10/10	56.389.500
.....
30	20/10	22.302.000
34	22/10	3.707.750
40	25/10	1.226.640
.....
Tổng cộng		2.105.735.875
Ngày 31 tháng 10 năm 2022		
Người lập biểu <i>(Đã ký)</i>	Kế toán trưởng <i>(Đã ký)</i>	Giám đốc <i>(Đã ký)</i>

Biểu 2.32: Sổ Cái TK 152

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng			Mẫu số S02c1-DNN				
Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình			(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)				
SỔ CÁI							
Tháng 10 Năm 2022							
Tài khoản: 152 – Nguyên vật liệu							
Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng		125.842.500		
			Số phát sinh trong tháng				
						
8/10	15	8/10	Nhập kho vải cotton của Công ty Nguyễn Gia Tex	112	71.000.000		
10/10	20	10/10	Xuất kho vải cotton cho sản xuất sản phẩm	154		56.389.500	
						
20/10	30	20/10	Mua chỉ của Công ty Tuấn Hồng chưa thanh toán	331	22.302.000		
22/10	34	22/10	Xuất kho chỉ để sản xuất sản phẩm	154		3.707.750	
25/10	40	25/10	Xuất kho chỉ T20 vàng để sản xuất sản phẩm	154		1.226.640	
						
			Cộng số phát sinh tháng		954.650.500	902.512.350	
			Số dư cuối tháng		177.980.650		
Người lập biểu (Đã ký)			Kế toán trưởng (Đã ký)		Ngày 31 tháng 10 năm 2022		Người đại diện theo pháp luật (Đã ký)

Chương 3 – MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN HOÀNG

3.1. Đánh giá chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

Trong suốt hơn 20 năm kể từ khi thành lập đến nay, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng đã và đang ngày càng phát triển. Trải qua nhiều giai đoạn khó khăn, nhất là khi mới thành lập, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng đã khẳng định được vị thế của mình và có những bước tiến rõ rệt về nhiều mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên có đủ năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu SXKD trong tình hình hiện nay.
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng hiện đại hơn (như các loại máy may, máy thêu).

Cùng với sự phát triển của DN, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán NVL nói riêng cũng không ngừng được củng cố và hoàn thiện để góp phần vào công tác quản lý có hiệu quả của DN.

3.1.1. Ưu điểm trong kế toán nguyên vật liệu

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm, quy mô của công ty cũng như trình độ chuyên môn của kế toán viên. Theo mô hình này, toàn bộ công việc đều tập trung tại phòng kế toán của công ty. Việc áp dụng mô hình này đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, kiểm tra, cung cấp thông tin kịp thời, thuận lợi trong công tác phân công công việc. Đồng thời, tổ chức bộ máy gọn nhẹ giúp tiết kiệm chi phí.

- Kế toán trưởng thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và nắm bắt nguồn tài chính của DN, từ đó tham mưu các kế hoạch cho ban lãnh đạo.

- Đội ngũ cán bộ kế toán viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và sự trung thực trong công tác kế toán, không ngừng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của DN.

- Phòng kế toán DN luôn áp dụng chế độ kế toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và tuân thủ pháp luật.

- Bộ máy kế toán đã vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả hình thức kế toán trên máy vi tính nhằm hỗ trợ công tác kế toán, phát huy hơn nữa vai trò của kế toán trong tình hình hiện nay.

❖ Về công tác quản lý nguyên vật liệu

- Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đã được xây dựng khá khoa học và hợp lý từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng NVL.

- NVL là yếu tố đầu vào quan trọng cho hoạt động của công ty, vì vậy, công tác thu mua NVL luôn được chú trọng. Công ty có một đội ngũ cán bộ thu mua năng động, có khả năng nắm bắt thông tin nhanh nhạy về những biến động của giá cả trên thị trường, từ đó tìm mua những NVL với giá cả hợp lý, kịp thời đáp ứng nhu cầu của công ty. Bên cạnh đó, tổ cung ứng cũng thường xuyên tìm những nguồn cung cấp vật liệu ổn định với giá mua thấp và đảm bảo chất lượng, góp phần làm giảm chi phí NVL, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty.

- Để đảm bảo chất lượng NVL và cung cấp kịp thời cho SXKD của công ty, việc dự trữ và bảo quản NVL tại kho cũng cần được quan tâm và thực hiện chặt chẽ, nghiêm chỉnh. Hiện nay, kho NVL của công ty được bố trí gần các phân xưởng nên rất thuận tiện cho việc vận chuyển, đảm bảo cho việc nhập, xuất và kiểm kê NVL tồn kho. Đặc biệt, khi mua NVL về kho, công ty đã tổ chức tốt việc đánh giá về số lượng và kiểm nhận về chất lượng, quy cách, chủng loại NVL trước khi nhập kho, đảm bảo các nguyên vật liệu đủ tiêu chuẩn để đưa vào sản xuất.

- Việc xuất dùng NVL được thực hiện theo đúng mục đích và kế hoạch sản xuất của công ty. Khi có nhu cầu về vật liệu, các bộ phận phải lập giấy đề nghị xuất vật tư gửi lên phòng kế hoạch và phải được lãnh đạo xem xét, ký duyệt. Điều này giúp quản lý chặt chẽ NVL xuất dùng và tránh mất mát NVL.

❖ Về hệ thống tài khoản kế toán

DN đã áp dụng danh mục tài khoản kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đây là một hệ thống TK kế toán đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với việc quản lý, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của các DN vừa và nhỏ như Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng.

❖ Về chứng từ kế toán

- Hệ thống chứng từ kế toán được sử dụng tại DN tuân theo đúng các quy định trong chế độ về danh mục, quy trình lập và luân chuyển chứng từ, thường xuyên có sự đối chiếu giữa phòng kế toán và các phòng khác có liên quan. Các chứng từ được lập kịp thời và theo đúng nghiệp vụ kinh tế thực tế đã phát sinh. Các chứng từ đều được lập dựa theo mẫu Bộ Tài chính ban hành, sau đó được bảo quản và lưu giữ theo đúng yêu cầu về bảo quản và lưu giữ chứng từ của Nhà nước. Công tác phân loại, lưu giữ và kiểm tra chứng từ được DN thực hiện một cách khá hợp lý và liên tục. Các chứng từ đều được tập hợp đầy đủ để tiến hành ghi chép kế toán giúp cho các nhà quản lý nắm bắt tình hình của DN được dễ dàng.

❖ Về phương pháp hạch toán

Công ty đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, do đó tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu trên sổ kế toán được theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống. Đây là phương pháp hạch toán phù hợp với đặc điểm SXKD của công ty.

❖ Về công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song là phù hợp với DN, trình độ của kế toán viên cũng như thủ kho và đặc điểm nguyên vật liệu ở đơn vị. Từ đó, cung cấp các thông tin chính xác cho yêu cầu quản trị của

công ty và tập hợp chính xác chi phí NVL cho từng đối tượng tính giá thành. Trình tự ghi sổ hợp lý, dễ dàng đối chiếu, phục vụ tốt công tác kiểm tra, kiểm soát của công ty và các cơ quan chức năng khi cần thiết.

❖ ***Về công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu***

- Hiện nay, công tác kế toán tổng hợp tại công ty được sử dụng theo hình thức “chứng từ ghi sổ”. Đây là hình thức ghi sổ có nhiều ưu điểm trong quá trình quản lý cũng như hạch toán tại công ty và đặc biệt thuận lợi hơn cho công tác hạch toán khi áp dụng hình thức kế toán trên máy.

- Hệ thống sổ sách, chứng từ của công ty rõ ràng, khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa các bộ phận liên quan.

3.1.2. Hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng còn tồn tại những hạn chế nhất định cần cải thiện để phù hợp với yêu cầu quản lý:

❖ ***Về công tác quản lý nguyên vật liệu***

NVL tại công ty rất đa dạng, phong phú, nhiều chủng loại lại có sự biến động liên tục. Vì thế, việc quản lý tốt NVL và hạch toán chính xác là điều rất cần thiết. Công ty đã căn cứ theo vai trò và công dụng của vật liệu để phân loại, trong từng loại lại chia thành nhóm, thứ vật liệu cụ thể. Việc phân loại như vậy là tương đối hợp lý và chi tiết.

Công tác quản lý NVL tại kho của công ty hiện nay là khá tốt. NVL được sắp xếp gọn gàng, thuận tiện trong một kho chung của công ty. Tuy nhiên, do đều được chứa vào một kho chung nên các vật liệu dễ loang ố, mốc, hư hỏng như vải, chỉ,... Việc này gây thiệt hại cho công ty và dẫn đến làm giảm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Khâu sử dụng: Hiện tại, DN chưa xác định được hệ thống định mức cho tất cả NVL một cách rõ ràng và khoa học. Thực tế, DN mới chỉ xác định được định mức cho một số loại NVL chính như vải, chỉ, kim, cúc,... còn các loại NVL khác thì khi nào hết sẽ xuất thêm dẫn đến việc sử dụng lãng phí NVL.

❖ ***Về chứng từ kế toán***

Hệ thống chứng từ kế toán NVL ở công ty được sử dụng khá đầy đủ, công tác lập và luân chuyển chứng từ được tổ chức một cách chặt chẽ. Tuy nhiên, việc luân chuyển chứng từ vật liệu tại công ty chưa được nhanh chóng, kế toán định kỳ 5 - 10 ngày mới xuống kho lấy chứng từ về phòng kế toán. Với đặc điểm là một DN sản xuất, các nghiệp vụ nhập, xuất NVL diễn ra liên tục thì thời gian như vậy là khá dài, dẫn đến việc thông tin kế toán được phản ánh, xử lý chậm, không kịp thời; gây khó khăn cho công tác quản lý.

❖ ***Về công tác kiểm kê NVL***

Công tác kiểm kê hàng tồn kho tại công ty chưa được thực hiện thường xuyên. Công ty chỉ kiểm kê NVL sáu tháng một lần vào tháng 6 và tháng 12 trong năm nên khó phát hiện kịp thời được những mất mát, hư hỏng để xử lý kịp thời.

❖ ***Về áp dụng phần mềm kế toán***

Trong bối cảnh trình độ công nghệ kỹ thuật ngày càng phát triển, DN vẫn duy trì việc vận hành bộ phận kế toán theo phương pháp excel. Điều này gây nhiều bất lợi cho kế toán viên như lãng phí thời gian nhập liệu, khó khăn trong việc kiểm tra đối chiếu, khó phát hiện sai sót,...

❖ ***Về bộ máy kế toán***

Công ty chưa coi trọng việc xây dựng hệ thống báo cáo nội bộ và thấy được ý nghĩa của báo cáo kế toán quản trị trên các mặt như: cung cấp số liệu để phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo từng khía cạnh cụ thể, cung cấp các thông tin cần thiết để xây dựng kế hoạch, dự toán, đánh giá cũng như lựa chọn phương án sản xuất tối ưu.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng

Qua thời gian nghiên cứu thực trạng tại DN, trên cơ sở lý luận đã được học kết hợp với tìm hiểu thực tế các công việc kế toán tại DN, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty như sau:

❖ ***Về công tác quản lý nguyên vật liệu***

Khâu bảo quản: Do bảo quản tất cả NVL trong cùng một kho nên sẽ dễ hư hỏng đối với nguyên vật liệu dễ loang, ô, mốc, mục... như vải, chỉ,... Vì vậy, công tác quản lý kho nên tổ chức lại. Mỗi loại NVL nên bảo quản, quản lý trong một kho riêng là tốt nhất. Tuy nhiên, với điều kiện hiện tại của công ty thì biện pháp này khó có thể thực hiện. Vậy nên thay vì quản lý tại kho riêng, cán bộ quản lý kho cần có các biện pháp phân tách các loại vật liệu với nhau sao cho hợp lý để bảo quản tránh hư hại, gây tổn thất cho công ty. Công ty có thể chia thành từng ô trong một kho để quản lý, tương ứng với mỗi ô là một loại vật liệu.

Khâu sử dụng: DN nên xây dựng hệ thống định mức tiêu hao nguyên vật liệu một cách cụ thể đối với từng loại, từng thứ vật liệu sẽ giúp DN tiết kiệm được chi phí NVL. Cần có biện pháp phạt đối với những nhân viên cố tình làm sai, làm ẩu gây lãng phí nguyên vật liệu, đồng thời cũng cần khuyến khích, tuyên dương những nhân viên có sáng kiến giúp tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trong sản xuất.

❖ Về chứng từ và công tác luân chuyển chứng từ

Công tác kế toán NVL của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng hiện nay đã sử dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc để phản ánh các nghiệp vụ. Tuy nhiên, khi cần thông tin về tồn kho từng loại NVL ở các bộ phận sử dụng thì kế toán phải mất khá nhiều thời gian để thu thập và cung cấp thông tin kịp thời. Vì vậy, công ty nên sử dụng thêm “Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ” để theo dõi tình hình tồn kho NVL ở từng bộ phận sử dụng. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ có thể thực hiện theo mẫu của Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính như sau:

Biểu 3.1: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ

Đơn vị: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu		Mẫu số 04 - VT			
Nguyễn Hoàng		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-			
Bộ phận: Tổ may 1		BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ					
Ngày 31 tháng 10 năm 2022					
Số: 01					
Bộ phận sử dụng: Tổ may 1					
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Lý do (còn sử dụng hay trả lại)
1	Vải cotton	VC100	Mét	40	Còn sử dụng
2	Chỉ M10 trắng	CM10T	Cuộn	30	Còn sử dụng
3	Chỉ M10 đen	CM10Đ	Cuộn	20	Còn sử dụng
Phụ trách bộ phận sử dụng (Ký, họ tên)					

Việc luân chuyển chứng từ vật liệu tại công ty chưa được nhanh chóng, kế toán 5 - 10 ngày mới xuống kho lấy chứng từ về phòng kế toán. Với đặc điểm sản xuất của DN thì việc nhập, xuất NVL diễn ra thường xuyên thì thời gian như vậy là dài, dẫn đến thông tin kế toán được phản ánh, xử lý chậm. Vì vậy, công ty cần đẩy nhanh tốc độ luân chuyển chứng từ để cung cấp thông tin được kịp thời, nhanh chóng hơn. Theo em, giảm thời gian kế toán xuống kho lấy chứng từ xuống còn 3 – 5 ngày sẽ hợp lý hơn.

❖ Về công tác kiểm kê nguyên vật liệu

Hiện nay, công tác kiểm kê NVL tồn kho tại công ty chỉ được kiểm kê vào tháng 6 và tháng 12, khi kiểm kê sẽ báo trước cho thủ kho một ngày. Việc này chưa thực sự hiệu quả, thủ kho có thể chuẩn bị trước làm thay đổi thực trạng NVL tồn kho, khiến cho việc kiểm kê không phát hiện ra sai sót, chênh

lệch. Hơn nữa việc kiểm kê chỉ diễn ra hai lần trong năm sẽ hạn chế việc không thể xử lý kịp thời những mất mát, hư hỏng, hay ứ đọng NVL kém phẩm chất. Cuối mỗi tháng, công ty chỉ biết được số lượng và giá trị NVL tồn kho trên sổ sách mà không nắm được tình hình thực tế tại kho. Vì vậy, công ty nên tiến hành kiểm kê thường xuyên hơn có thể theo các quý trong năm và kết hợp giữa việc kiểm kê có báo trước và kiểm kê bất ngờ để có được kết quả kiểm kê khách quan, chính xác, trung thực hơn.

❖ *Về áp dụng phần mềm kế toán*

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán tiện ích như MISA, FAST, Bravo, Effect,... Với hình thức “chứng từ ghi sổ” công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Việc áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán tại công ty là điều cần thiết khi khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Ngoài ra, mỗi kế toán đều được trang bị một máy tính riêng nên việc đưa phần mềm kế toán vào áp dụng là hợp lý. Từ đó giúp tiết kiệm được thời gian, giảm bớt khó khăn trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán được an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực cho công ty.

❖ *Về bộ máy kế toán*

Việc kết hợp mô hình kế toán tài chính với mô hình kế toán quản trị là điều cần thiết và hợp lý. Điều đó sẽ giúp sử dụng được dữ liệu đầu vào của kế toán tài chính cũng như bổ sung thêm dữ liệu cho kế toán quản trị. Trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay, những DN nào có thể nắm bắt thông tin, dự đoán được xu thế biến động trong tương lai và đề ra các phương án quản lý có hiệu quả sẽ tạo được ưu thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác. Nhất là đối với công tác quản lý chi phí thì nhu cầu thông tin lại càng cao.

Tuy nhiên với bộ máy kế toán tài chính hiện nay, phòng kế toán của công ty chỉ có thể cung cấp một lượng thông tin hạn chế và chủ yếu là các

thông tin trong quá khứ, không đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng cao của các nhà quản lý. Do vậy, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng nên tổ chức một bộ máy kế toán quản trị để đáp ứng yêu cầu quản lý của ban lãnh đạo công ty. Công ty nên xây dựng bộ máy kế toán quản trị trong mối quan hệ với kế toán tài chính. Một số nhân viên kế toán tài chính có thể kiêm nhiệm chức năng của kế toán quản trị tùy vào năng lực mỗi người.

KẾT LUẬN

Đề tài “Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng” đã thực hiện được những mục tiêu nghiên cứu đề ra. Giai đoạn 2020 – 2022, nền kinh tế Việt Nam bị khủng hoảng nghiêm trọng khiến cho hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn. Đây là ảnh hưởng trực tiếp bởi những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và những căng thẳng địa – chính trị ở nhiều quốc gia.

Đối với các doanh nghiệp thì yếu tố đầu vào luôn là yếu tố quan trọng quyết định đến chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải lập kế hoạch thu mua, bảo quản, lưu trữ và sử dụng NVL hợp lý để chi phí bỏ ra của doanh nghiệp là thấp nhất và lợi nhuận thu được là cao nhất có thể. NVL cung cấp cho các bộ phận sản xuất phải kịp thời, đầy đủ đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, tránh trường hợp bị gián đoạn do thiếu NVL. Có thể thấy, công tác kế toán NVL có vai trò vô cùng quan trọng trong quản lý kinh tế, đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp .

Công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng tuân theo đúng quy định của Bộ tài chính và pháp luật. Các thủ tục liên quan đến quá trình nhập xuất tương đối chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu quản lý chung. Bên cạnh những ưu điểm, trong công tác kế toán NVL còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý. Xuất phát từ tình hình thực tế của công ty, vận dụng những kiến thức đã được tiếp cận trong quá trình học Đại học. Em đã đưa ra một số biện pháp nhằm góp phần khắc phục những hạn chế còn tồn tại làm ảnh hưởng đến công tác kế toán NVL tại công ty để nâng cao hiệu quả quản lý và công tác kế toán.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2016). *Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2016.
2. Đặng Thị Loan (2015). *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Đinh Thị Thanh Thủy (2016). *Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư.
4. Lê Thu Hà (2017). *Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp tư nhân Đức Chiến*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư.
5. Vũ Thị Trang (2015). *Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Phước Lộc*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Hoa Lư.
6. Trang web www.webketoan.com
7. Trang web www.tailieu.vn
8. Tài liệu của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Hoàng